

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa
❧❧❧

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2020

Nơi gửi:

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THANH HOA SÔNG ĐÀ**

Số: 13/BCTN-THSD

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO

Thường niên năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : **Công ty cổ phần Thanh Hoa Sông Đà**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **2800772376**
- Vốn điều lệ : **30.000.000.000đ (Ba mươi tỷ đồng)**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **30.000.000.000đ (Ba mươi tỷ đồng)**
- Địa chỉ : **25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa**
- Số điện thoại : **02373 724 892 / 02373 855 750**
- Số fax/Fax : **02373 855 750**
- Website : **<http://thanhhoasongda.com.vn>**
- Mã cổ phiếu : **THS**

- Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Thanh Hoa Sông Đà tiền thân là Công ty công nghệ phẩm Thanh Hóa, cổ phần hóa theo Nghị định 64/CP của Chính phủ.

Ngày 15/09/2003, UBND tỉnh Thanh Hóa đã phê duyệt Quyết định số 2941/QĐ/UB về việc chuyển đổi Công ty công nghệ phẩm Thanh Hoá thành công ty cổ phần với mức vốn điều lệ 5 tỷ đồng, lấy tên là Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Thanh Hoa.

Do nhu cầu bức thiết phải đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tháng 5/2004, Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Thanh Hoa đã mời Tổng Công ty Sông Đà góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà với số vốn điều lệ là 10,1 tỷ đồng, trong đó Tổng Công ty Sông Đà nắm giữ 51%.

Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty đã trải qua hai lần tăng vốn điều lệ. Tính đến năm 2010, Công ty chính thức ghi nhận mức vốn điều lệ là 30 tỷ đồng.

Năm 2014 Tổng Công ty Sông Đà thoái vốn (51% VĐL) tại Công ty theo chủ trương chung của Nhà nước và Kế hoạch tổ chức lại Tổng công ty Sông Đà đã được Bộ Xây Dựng Phê duyệt. Từ ngày 26/05/2014 Công ty không còn phần vốn góp của Nhà nước, chuyển sang cơ chế quản lý mới với 100% vốn góp của các thể nhân.

Ngày đăng ký trở thành Công ty đại chúng : 12/04/2008

Ngày niêm yết CP công ty trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội : 05/11/2013

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của công ty là kinh doanh thương mại bán buôn các mặt hàng tiêu dùng và dịch vụ cho thuê mặt bằng kinh doanh

- Kinh doanh thương mại

- ✓ Xí nghiệp 1: Bán buôn các mặt hàng sứ Hải Dương, Nhôm sắt tráng men Hải Phòng, nhựa Đại Đồng Tiến ...
- ✓ Xí nghiệp 2: Cung cấp và lắp đặt nội thất Hòa Phát, nội thất Xuân Hòa, Nội thất 190, nhựa Duy Tân...
- ✓ Xí nghiệp 3: Bán buôn các mặt hàng chăn ga gối đệm Sông Hồng, Bóng đèn phích nước Rạng Đông, hàng điện tử điện lạnh Nagakawa, các loại quạt điện Thống Nhất, Chinh Hai, 91,...
- ✓ Xí nghiệp 6: Cung ứng và lắp đặt thiết bị điện tử, điện lạnh các hãng Aqua, Funiki, Samsung, LG, Panasonic, Daikin, Casper, Kangaroo...

Các xí nghiệp cung ứng bán buôn cho các đại lý và các dự án trong và ngoài tỉnh.

- Dịch vụ cho thuê

✓ Các điểm cho thuê:

Siêu thị Trần Phú tại địa chỉ Số 301 Trần Phú, Phường Ba Đình, TP Thanh Hóa, Trung tâm thương mại 25 Lê Lợi tại địa chỉ 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, TP Thanh Hóa

✓ Các đơn vị thuê:

Tại Trung tâm thương mại 25 Lê Lợi: Chi nhánh Ngân hàng NN&PT nông thôn thành phố Thanh Hoá (*phòng giao dịch*), Công ty TNHH DV&VT Vân Anh (*nội thất Gia Khánh*), Công ty TNHH Hoàng Lý (*cửa hàng xe máy YAMAHA*), Công ty TNHH may thuê giày An Phước (*hàng thời trang*), Công ty TNHH Ngôi Sao (*cửa hàng xe máy YAMAHA*), Công ty CP Nguyệt Anh (*hàng bảo hộ lao động*), Công ty TNHH Toàn Cầu TTA (*phòng tập thể dục thẩm mỹ*).

Tại Siêu thị Trần phú: Công ty CP Mediamart VN (*Siêu thị điện máy*)



Trung tâm thương mại 25 Đại lộ Lê Lợi



Trung tâm thương mại 301 Trần Phú

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| SẢN PHẨM/DỊCH VỤ | NAM 2018 | | NAM 2019 | | NAM 2020 | |
|----------------------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|
| | GIÁ TRỊ | % | GIÁ TRỊ | % | GIÁ TRỊ | % |
| Doanh thu bán hàng hóa | 254.792.106 | 90,6% | 277.344.962 | 96,8% | 254.245.339 | 96,6% |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 26.282.426 | 9,4% | 9.161.487 | 3,2% | 8.830.214 | 3,4% |
| Doanh thu thuần | 281.074.532 | 100% | 286.506.449 | 100% | 263.075.553 | 100% |

Hoạt động SXKD năm 2020 của Công ty diễn ra trong tình hình thị trường hết sức khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid-19 và thời tiết diễn biến bất thường. Tuy nhiên Công ty đã phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

Trong đó, doanh thu bán hàng hóa của Công ty luôn chiếm tỷ trọng cao trong doanh thu thuần của toàn Công ty (96,6% doanh thu thuần).

Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty

Đơn vị: 1.000 đồng

| SẢN PHẨM/DỊCH VỤ | NAM 2018 | | NAM 2019 | | NAM 2020 | |
|----------------------------|-------------------|-------------|-------------------|-------------|-------------------|-------------|
| | GIÁ TRỊ | % | GIÁ TRỊ | % | GIÁ TRỊ | % |
| Lợi nhuận bán hàng hóa | 13.098.550 | 55,6% | 12.640.245 | 64,1% | 12.614.708 | 65,5% |
| Lợi nhuận cung cấp dịch vụ | 10.464.222 | 44,4% | 7.067.724 | 35,9% | 6.657.990 | 34,5% |
| Lợi nhuận gộp | 23.562.772 | 100% | 19.707.969 | 100% | 19.272.698 | 100% |

Mặc dù Doanh thu của hoạt động cung cấp dịch vụ chỉ chiếm 3,4% trong

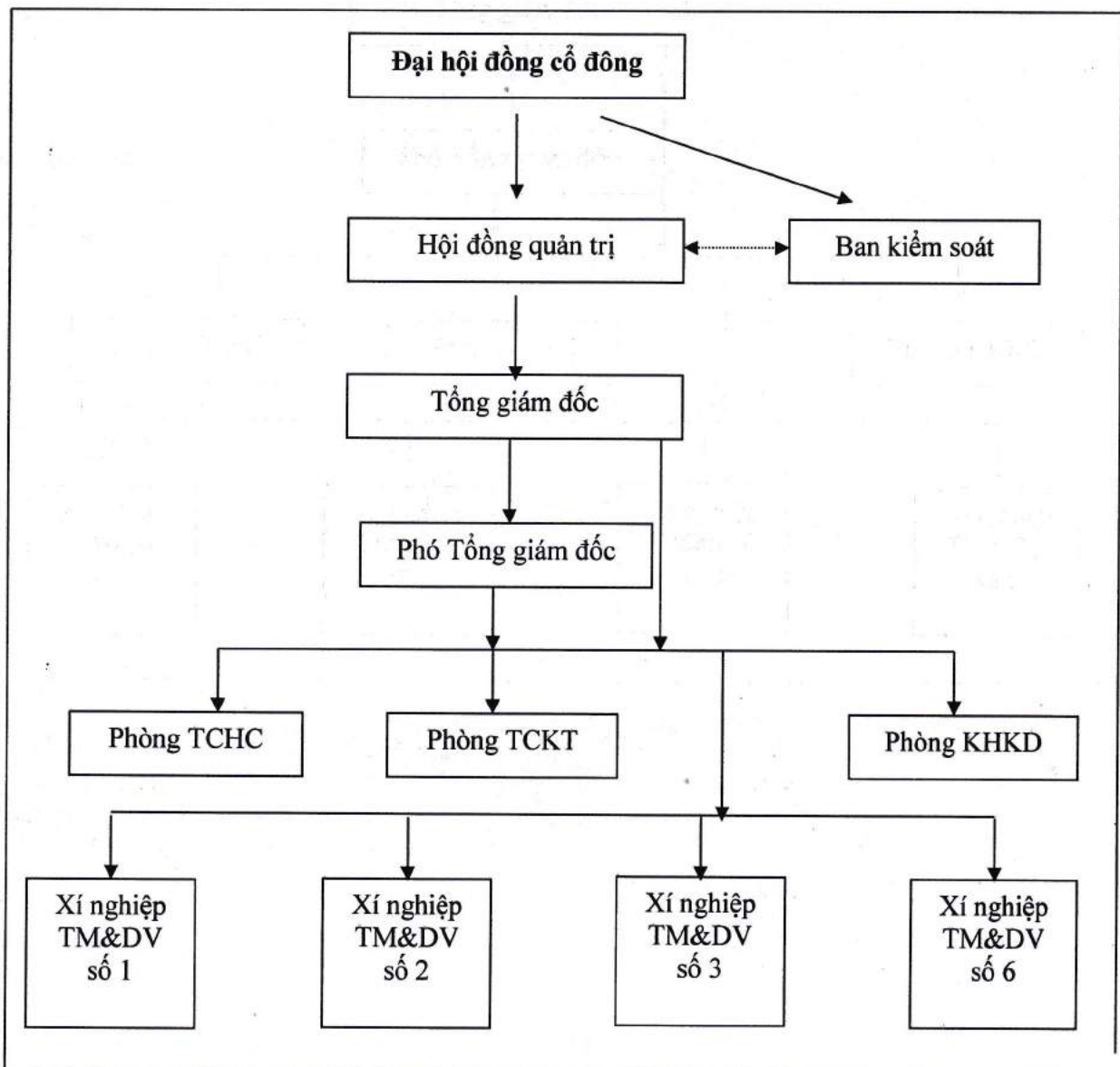
doanh thu thuần của toàn Công ty nhưng lợi nhuận gộp của hoạt động này lại luôn chiếm tỷ trọng khoảng lớn (34,5%). Điều này cho thấy mảng hoạt động này hiệu quả cao và ổn định.

Trong năm 2020, trong điều kiện kinh doanh vô cùng khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid-19, Công ty đã chủ động linh hoạt ứng biến, cố gắng tổ chức hoạt động kinh doanh ổn định nên mặc dù doanh thu thuần giảm nhưng vẫn đảm bảo giữ được mức lợi nhuận gộp từ hoạt động này so với các năm trước.

2.2. Địa bàn kinh doanh: Tỉnh Thanh Hóa

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là tổ chức quyền lực cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty bao gồm 05 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Ban kiểm soát

Có nhiệm vụ giúp Đại hội đồng cổ đông giám sát, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách khách quan nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

Ban Tổng giám đốc

Tổng giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty.

Các phòng ban Công ty

- Phòng Kế hoạch - Kinh doanh: Có chức năng nắm bắt các thông tin kinh tế thị trường, xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư cho từng giai đoạn, lập phương án kinh doanh cụ thể và giám sát thực hiện, tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty về đầu tư, sản xuất kinh doanh.

- Phòng Tài Chính – Kế toán: Chịu trách nhiệm tổ chức hạch toán kế toán theo đúng quy định nhà nước; tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty về công tác tài chính kế toán; Giúp Tổng Giám đốc công ty về công tác quản lý, sử dụng vốn (tài sản, nguyên vật liệu, tiền vốn, chi phí sản xuất kinh doanh) để đạt được mục đích đề ra của Đại hội cổ đông và hội đồng quản trị, phù hợp với chủ trương, chính sách pháp luật hiện hành, các quy định của nhà nước về kế toán thống kê.

- Phòng Tổ chức - Hành chính: Là một bộ phận tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc Công ty trong việc tổ chức và quản lý nhân sự, quản lý tài sản, quản trị văn phòng, công tác bảo vệ, an ninh trật tự.

Các xí nghiệp

Xí nghiệp Thương mại & Dịch vụ Số 1:

- Địa chỉ: Lô CC4 Khu CN Tây Bắc Ga – P. Đông Thọ - TPTH
- Điện thoại/Fax: 0237. 3853 936
- Email: Xinghiep1@thanhhoasongda.com.vn
- Chức năng, nhiệm vụ: Kinh doanh các mặt hàng nhôm, sứ, nhựa dân dụng...

Xí nghiệp Thương mại & Dịch vụ Số 2:

- Địa chỉ: 13 Cao Thắng – Phường Lam Sơn - TPTH
- Điện thoại: 0237. 3852 204 Fax: 037. 3753 190
- Email: Xinghiep2@thanhhoasongda.com.vn
- Chức năng, nhiệm vụ: Kinh doanh các mặt hàng nội thất dân dụng...

Xí nghiệp Thương mại & Dịch vụ Số 3:

- Địa chỉ: 301 Trần Phú – P. Ba Đình - TPTH
- Điện thoại: 0237. 3852 212 Fax 037. 3852 212
- Email: Xinghiep3@thanhhoasongda.com.vn
- Chức năng, nhiệm vụ: Kinh doanh các mặt hàng chăn ga gối đệm bóng đèn phích nước, đồ điện dân dụng...

Xí nghiệp Thương mại & Dịch vụ Số 6:

- Địa chỉ: Lô CC4 Khu CN Tây Bắc Ga – P. Đông Thọ - TPTH
- Điện thoại: 0237. 3716 336 Fax 037. 3716 336
- Email: Xinghiep6@thanhhoasongda.com.vn
- Chức năng, nhiệm vụ: Kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện lạnh các hãng Aqua, Funiki, Samsung, LG, Panasonic, Daikin, Casper, Kangaroo...

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :

Xây dựng và phát triển Công ty CP Thanh Hoa Sông Đà thành doanh nghiệp kinh doanh thương mại và dịch vụ có tính chuyên nghiệp cao, đủ sức cạnh tranh, có vị thế xứng đáng và vững chắc trên thị trường, đặc biệt là thị trường Thanh Hóa

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Phương hướng cơ bản kinh doanh giai đoạn (2019-2024) là tập trung cao độ vào các mặt hàng công ty có lợi thế cạnh tranh để mở rộng thị trường, phát triển mặt hàng ngành hàng mới, nâng cao hiệu quả kinh doanh, ưu tiên hàng đầu mục tiêu

lợi nhuận, khẳng định vị thế của công ty về các mặt hàng kinh doanh chủ lực trên thương trường

- Một số chỉ tiêu chủ yếu 5 năm (2019 – 2024)

Tổng giá trị SXKD: 1.815 tỷ VNĐ, tăng bình quân hàng năm 8%.

Doanh thu : 1.650 tỷ VNĐ, tăng bình quân hàng năm là 8 %.

Lợi nhuận TT : 17,7 tỷ VNĐ, tốc độ tăng bình quân hàng năm là 5%.

Cổ tức bình quân 9,4%/năm, tăng bình quân hàng năm là 4%

Nộp ngân sách nhà nước: 16,7 tỷ VNĐ, tăng bình quân hàng năm là 5 %.

Thu nhập BQ người lao động: 8,7 triệu VNĐ, tăng bình quân hàng năm là 4 %.

Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định cho người lao động.

- Định hướng phát triển

Tập trung cao độ vào các mặt hàng công ty có lợi thế cạnh tranh, tích cực phát huy các ngành hàng mới có tiềm năng để mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả kinh doanh, ưu tiên hàng đầu mục tiêu lợi nhuận, nâng cao cổ tức cho cổ đông và thu nhập của người lao động trong công ty

Thực hiện đầu tư hợp lý, đem lại hiệu quả đầu tư cao nhất.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ, nâng cao tính hiệu quả, khoa học, minh bạch và tuân thủ pháp luật

Đổi mới công nghệ kinh doanh, triển khai kinh doanh thương mại điện tử

Mở rộng thị trường, giao lưu liên kết nắm bắt cơ hội do hội nhập kinh tế quốc tế của nền kinh tế mang lại

5. Các rủi ro:

Là một doanh nghiệp kinh doanh đa ngành nghề, hoạt động chủ đạo đồng thời cũng là thế mạnh của Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà là kinh doanh dịch vụ thương mại. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp từ thay đổi của nền kinh tế như tăng giảm tốc độ tăng trưởng GDP, các biến động trong chính sách tài khóa, tiền tệ và các rủi ro khác

5.1. Rủi ro về kinh tế

Năm 2020, nền kinh tế thế giới bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch Covid-19 bùng phát và lây lan nhanh sang nhiều quốc gia. Quỹ tiền tệ Quốc Tế IMF dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu giảm 4,4 % trong năm, trong đó 3 nền kinh tế lớn nhất bao gồm: Mỹ dự báo giảm 5,9%, Trung Quốc tăng 1,2% và EU giảm 7,5%. Đi ngược lại với xu hướng của thế giới, tình hình kinh tế trong nước có phần khả quan hơn. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, GDP 09 tháng năm 2020 tăng 2,12% mặc dù đây là mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020, nhưng nền kinh tế Việt Nam được đánh giá là điểm sáng khi có sự phục hồi mạnh mẽ trong thời gian vừa qua. Theo báo cáo của IMF, nền kinh tế Việt Nam sẽ đứng thứ 4 trong khu vực

11/10/2020

Đông Nam Á, vượt Singapore và Malaysia, đứng sau Thái Lan, Philipines và Indonesia trong năm 2020.

Trước tình hình kinh tế biến động khó lường, có thể ảnh hưởng bất ngờ đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ban lãnh đạo công ty luôn theo sát và cập nhật liên tục tình hình kinh tế vĩ mô nhằm kịp thời nhận diện được cả cơ hội lẫn thách thức để xây dựng chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp, giảm thiểu tác động của rủi ro kinh tế

5.2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, đồng thời niêm yết cổ phiếu Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản dưới luật và các quy định đối với Công ty niêm yết.

Để hạn chế rủi ro pháp lý, Công ty CP Thanh Hoa Sông Đà luôn nắm rõ quy định của các văn bản pháp luật hiện hành, chủ động cập nhật các văn bản quy định mới

5.3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

- Phải thu khách hàng: Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

- Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

- Rủi ro ngoại tệ: Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

- Rủi ro lãi suất: Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá khác: Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

5.4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết

Khi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, việc biến động giá cổ phiếu của Công ty sẽ không chỉ phụ thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: tình hình thực hiện công bố thông tin, tình hình cung cầu của thị trường đối với cổ phiếu của Công ty,..... Để giảm thiểu một cách tối đa những rủi ro có thể xảy ra đối với biến động giá cổ phiếu, Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà luôn thực hiện tốt quy định Công bố thông tin nhằm ràng buộc trách nhiệm của những cá nhân liên quan đối với việc công bố thông tin của Công ty, đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời những quy định trong Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 06/10/2016 và Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 16/11/2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 và thay thế cho Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2016 hướng dẫn Công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDCK ngày 29/9/2016. Điều này sẽ giúp các nhà đầu tư tiếp cận được với những thông tin liên quan của Công ty một cách chính xác và hiệu quả. Từ đó, các nhà đầu tư có thể đưa ra được quyết định đầu tư đúng đắn hơn.

5.5. Rủi ro khác

Các rủi ro như thiên tai, hoả hoạn, dịch hoả, chiến tranh ... là những rủi ro do nguyên nhân bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và hoạt động chung của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Từ đầu năm đến nay, Công ty cùng với cả nước đã gồng mình cố gắng vượt qua những khó khăn do dịch bệnh Covid-19 và tình hình mưa bão lũ lụt gây ra. Công tác kinh doanh của Công ty trì trệ khó khăn, chỉ tiêu Doanh thu và Thu nhập không thể hoàn thành kế hoạch nên Công ty đã đề nghị và được ĐHĐCĐ thông qua việc điều chỉnh kế hoạch. Tuy nhiên Công ty đã làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh, đã nỗ lực cố gắng duy trì được hoạt động kinh doanh suy giảm không nhiều, đảm bảo hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã điều chỉnh.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2020

| TT | Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2020 (triệu đ) | Thực hiện 2020 (triệu đ) | TL hoàn thành KH năm (%) | So với năm 2019 (%) |
|----|------------------------|-----------------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------|
| 1 | Tổng giá trị SXKD | 286.000 | 291.499 | 102 | 92 |
| 2 | Doanh thu | 260.000 | 263.033 | 101 | 92 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 3.000 | 3.982 | 133 | 101 |
| 4 | Nộp ngân sách | 3.400 | 3.719 | 109 | 112 |
| 5 | Thu nhập Bình quân | 7,8 | 8,6 | 110 | 102 |
| 6 | Cổ tức dự kiến (%/năm) | 7,5 | 10 | 133 | 100 |

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

| Họ tên | Chức vụ | Số cổ phần sở hữu (CP) | Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%) |
|------------------|-------------------|------------------------|--------------------------|
| Nguyễn Thanh Hải | Tổng giám đốc | 225.000 | 7,50 |
| Lê Văn Tường | Phó tổng giám đốc | 210.000 | 7,00 |
| Chu Thị Hòa | Phó tổng giám đốc | 200.000 | 6,67 |
| Vũ Thị Lý | Kế toán trưởng | 70.000 | 2,33 |

Tóm tắt sơ yếu lý lịch

Ông Nguyễn Thanh Hải - Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Nguyễn Thanh Hải**

Giới tính: Nam

Số CMTND: 171474060 Ngày cấp: 19/05/2009 Nơi cấp: CA Thanh Hóa

Ngày tháng năm sinh: 23/10/1960

Nơi sinh: Xã Hà Bình - Huyện Hà Trung - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Hà Bình - Huyện Hà Trung - Tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: 54 Quán Giò – P.Trường Thi – TP Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc: 0913.081.812

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

| | |
|---------------------------|---|
| 1978 - 1986 | Đi bộ đội |
| 1987 - 2002 | Làm việc tại phòng kinh doanh Công ty Công nghệ phẩm Thanh Hoá |
| Năm 2003 - 18/04/2004 | Phó Giám đốc Công ty Thương mại & Dịch vụ Thanh Hoá |
| 19/05/2004- 07/2006 | Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty CP Thanh Hoá - Sông Đà |
| 07/2006 - 31/05/2009 | Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thanh Hoá - Sông Đà |
| 01/06/2009 - 7/12/2013 | Phó Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Thanh Hoá - Sông Đà |
| 08/12/2013 đến nay | Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Thanh Hoá - Sông Đà |

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Thanh Hoá - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ: 225.000 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

| Họ và tên | Quan hệ với người khai | Số cổ phần nắm giữ |
|------------------|------------------------|--------------------|
| Nguyễn Thị Hoa | Vợ | 15.000 |
| Nguyễn Thuý Hồng | Con đẻ | 1.000 |

Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Các khoản nợ đối với Công ty: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Lê Văn Tường - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Lê Văn Tường**

Giới tính: Nam

Số CMTND: 171195060 Ngày cấp: 29/03/2013 Nơi cấp: CA Thanh Hóa

Ngày tháng năm sinh: 19/05/1958

Nơi sinh: Xã Đông Anh - Huyện Đông Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Đông Anh - Huyện Đông Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: 15 Phố Cửa Hậu – P. Điện Biên – TP Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc: 0373.855.095/0912.384.845

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, cử nhân Luật

Quá trình công tác:

| | |
|-------------------|--|
| 1973 - 1978 | Đi bộ đội |
| 1978 - 2000 | Làm việc tại phòng kế toán Công ty công nghệ phẩm Thanh Hoá |
| 2001 - 2002 | Phó phòng kinh doanh Công ty Công nghệ phẩm Thanh Hoá |
| 2003 - 18/04/2004 | Trưởng phòng đầu tư Công ty Thương mại và Dịch vụ Thanh Hoá |
| 19/04/2004 - nay | Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty CP Thanh Hoá - Sông Đà |

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty CP Thanh Hoá - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ: 210.000 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

| Họ và tên | Quan hệ với người khai | Số cổ phần nắm giữ |
|---------------|------------------------|--------------------|
| Lê Minh Thông | Con đẻ | 10.000 |

Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Các khoản nợ đối với Công ty: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Bà Chu Thị Hòa – Phó Tổng giám đốc công ty

Họ và tên : **Chu Thị Hòa**

Giới tính : **Nữ**

Số CMTND: 171893481 Ngày cấp: 18/05/2007 Nơi cấp: CA Thanh Hóa

Ngày tháng năm sinh: 17/11/1966

Nơi sinh: Xã Hoàng Hợp - Huyện Hoàng Hoá - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Hoàng Hợp - Huyện Hoàng Hoá - Tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: 12/7 Bến Ngự - P. Trường Thi - TP Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc: 0983.852.699

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

| | |
|-------------------------|---|
| 1987 - 1999 | Kế toán Công ty công nghệ phẩm Thanh Hoá |
| 2000 - 2009 | Kế toán trưởng công ty CP Bách hoá số 3 – Thanh Hoa - Sông Đà |
| 2010 - 25/04/2012 | Giám đốc Xí nghiệp TM&DV số 3 – Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà |
| 26/04/2012 – 06/07/2014 | Ủy viên HĐQT, Giám đốc xí nghiệp TM&DV số 3 - Công ty CP Thanh Hoa Sông Đà |
| 07/07/2012 đến nay | Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc cty, Giám đốc xí nghiệp TM&DV số 3 - Cty CP Thanh Hoa Sông Đà |

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:

- Ủy viên HĐQT

- Phó Tổng giám đốc công ty

- Giám đốc xí nghiệp TM&DV số 3 - Công ty CP Thanh Hoa Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ: 200.000 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

| Họ và tên | Quan hệ với người khai | Số cổ phần nắm giữ |
|--------------|------------------------|--------------------|
| Chu Thị Hiền | Em gái | 8.070 CP |

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Bà Vũ Thị Lý - Kế toán trưởng

Họ và tên: **Vũ Thị Lý**

Giới tính: **Nữ**

Số CMTND: 171409130 Ngày cấp: 13/10/1999 Nơi cấp: CA Thanh Hóa

Ngày tháng năm sinh: 30/09/1983

Nơi sinh: Xã Vạn Thắng - Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Vạn Thắng - Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: Lô số 52, MBQH 2155, P.Đông Vệ, TP Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc: 0984.034.443/0373.724.892

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

| | |
|--------------------|--|
| 03/2006 - 03/2008 | Kế toán Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà |
| 03/2008 - 05/2009 | Phó phòng kế toán Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà |
| 06/2009 - 07/2011 | Trưởng phòng kế toán Cty CP Thanh Hoa - Sông Đà |
| Từ 08/2011 đến nay | Kế toán trưởng Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà |

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ: 70.000 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

- Những thay đổi trong ban điều hành: *Không có*

- Số lượng cán bộ, nhân viên.

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Tính đến ngày 31/12/2020, toàn Công ty có 70 lao động.

Cơ cấu lao động tại ngày 31/12/2020 như sau:

| CƠ CẤU LAO ĐỘNG | | |
|--------------------------------|----|------|
| Loại hợp đồng lao động (HĐLĐ) | 70 | 100% |
| - HĐLĐ không xác định thời hạn | 45 | 68% |
| - HĐLĐ ngắn hạn (1-3 năm) | 25 | 32% |

| | | |
|---------------------------|----|------|
| Trình độ đào tạo | 70 | 100% |
| - Đại học và trên đại học | 41 | 61% |
| - Trung cấp + Cao đẳng | 22 | 30% |
| - Sơ cấp | 7 | 9% |
| - Công nhân | 0 | 0% |

Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp cho người lao động

Công tác đào tạo: Công ty coi trọng công tác đào tạo lại, đào tạo chuyên sâu, đào tạo đón đầu để nâng cao năng suất, chất lượng lao động, Trước mắt, Công ty sẽ tập trung đào tạo về chuyên môn và tăng cường bổ sung kiến thức quản trị đối với đội ngũ cán bộ trẻ tại phòng ban và các đơn vị trực thuộc đáp ứng theo yêu cầu trong nhiệm vụ mới.

Công tác tuyển dụng: Trong năm Công ty đặt ra chỉ tiêu xem xét lại số lao động dôi dư, đồng thời tuyển dụng thêm một số lao động thực sự có năng lực chuyên môn, đặc biệt là cán bộ kinh doanh và quản lý.

Về công tác xây dựng và áp dụng hệ thống định mức lao động: Thực hiện Quy chế trả lương theo năng suất đã ban hành, áp dụng đồng bộ phương thức bán hàng theo đơn đặt hàng và trả lương theo đơn giá tiền lương, đảm bảo tính tiên tiến, góp phần nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí.

Về thực hiện chế độ, chính sách:

- Hệ thống quy chế lương, thưởng của Công ty phù hợp theo hướng gắn liền tiền lương, thu nhập của người lao động với chất lượng lao động và hiệu quả công tác, coi trọng lao động có trình độ chuyên môn và tính kỷ luật cao.
- Tiếp tục sắp xếp lại lao động phù hợp với trình độ chuyên môn, xây dựng chế độ khuyến khích đối với người lao động có trình độ chuyên môn cao, hoàn thiện cơ chế trả lương hợp lý, thật sự khuyến khích người lao động làm việc có hiệu quả, tăng cường công tác đào tạo lại đồng thời xử lý nghiêm theo quy định của Pháp luật và các Quy định của Công ty đối với những lao động yếu kém, vô kỷ luật.
- Duy trì chế độ phúc lợi, đảm bảo đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động thông qua các hoạt động văn hoá xã hội, chính sách chăm sóc người lao động ốm đau, tai nạn,... chính sách với những người lao động đã nghỉ hưu, mất sức lao động, với con em người lao động đã và đang làm việc với Công ty, tổ chức thăm quan nghỉ mát hàng năm. Tổ chức Công đoàn đại diện cho người lao động ký thoả ước lao động tập thể với Công ty để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người lao động.

- Mục tiêu của Công ty sẽ cố gắng tạo dựng được môi trường làm việc tốt nhất để người lao động có đầy đủ điều kiện phấn đấu phát triển cùng sự phát triển của Công ty, duy trì văn hoá doanh nghiệp lành mạnh.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm Công ty đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con mới (thay thế xe cũ bán thanh lý) và đầu tư mua thêm 02 xe tải mới phục vụ hoạt động kinh doanh của Xí nghiệp 3, Xí nghiệp 6. Tổng giá trị đầu tư là: 2,3 tỷ đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

| T | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2019 | Năm 2020 | (Tăng +, giảm -) |
|---|---|--------|-------------|-------------|------------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 1.000đ | 67.861.057 | 76.897.241 | +9.036.184 |
| 2 | Doanh thu thuần | 1.000đ | 286.372.262 | 263.033.938 | -23.338.324 |
| 3 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 1.000đ | 2.529.149 | 3.272.508 | +743.359 |
| 4 | Lợi nhuận khác | 1.000đ | 1.396.825 | 710.393 | -686.433 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 1.000đ | 3.925.975 | 3.982.901 | +57.926 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 1.000đ | 3.125.541 | 3.185.950 | +60.409 |
| 7 | Tỷ lệ chi trả cổ tức | % | 10 | 10 | 0 |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2019 | Năm 2020 |
|----|---|------|----------|----------|
| 1 | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| | - Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn) | lần | 1,40 | 1,32 |
| | - Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-Hàng TK)/Nợ NH | lần | 0,50 | 0,43 |
| 2 | Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| | - Hệ số nợ / Tổng tài sản | lần | 0,44 | 0,50 |
| | - Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu | lần | 0,77 | 0,99 |
| 3 | Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| | - Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bq) | Vòng | 8,5 | 8,0 |
| | - Doanh thu thuần / Tổng TS | lần | 4,2 | 3,4 |
| 4 | Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |

| | | | |
|--|-----|-------|-------|
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần | lần | 0,011 | 0,012 |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn Chủ sở hữu | lần | 0,082 | 0,082 |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản | lần | 0,046 | 0,041 |
| - Hệ số lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần | lần | 0,014 | 0,015 |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

| | |
|-----------------|--|
| Tổng số cổ phần | : 3.000.000 CP |
| Bao gồm: | - Cổ phiếu quỹ : 300.000 CP |
| | - Cổ phiếu hiện đang lưu hành : 2.700.000 CP |
| Trong đó: | + Cổ phần chuyển nhượng tự do : 2.392.630 CP |
| | + Cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 307.370 CP |

b) Cơ cấu cổ đông:

| Danh mục | Cổ đông trong nước | | | Cổ đông nước ngoài | | |
|--|----------------------|----------------------|--------------|--------------------|---------|--------------|
| | Số lượng cổ phiếu | Giá trị (nghìn đ) | Tỷ lệ (%) | SL CP | Giá trị | Tỷ lệ (%) |
| Tổng số vốn thực góp: | 2.997.900 | 29.979.000 | 99,93% | 2.100 | 21.000 | 0,07% |
| 1. Cổ đông Nhà nước | 0 | 0 | 0% | | | |
| 2. Cổ đông nội bộ: (Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, Người được ủy quyền CBTT và người có liên quan) | 1.507.000 | 15.070.000 | 50,23% | | | |
| 3. Cổ đông trong công ty: | 662.689 | 6.626.890 | 22,1% | | | |
| - Cổ phiếu quỹ | 300.000 | 3.000.000 | 10,00% | | | |
| - Cán bộ công nhân viên | 362.689 | 3.626.890 | 12,1% | | | |
| 4. Cổ đông ngoài công ty: | 828.160 | 8.281.600 | 27,67% | 2.100 | 21.000 | 0,07% |
| - Cá nhân | 828.054 | 8.280.540 | 27,6% | | | |
| - Tổ chức | 106 | 1.060 | 0,07% | 2.100 | 21.000 | 0,07% |

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: *Không có*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: *Không có*

e) Các chứng khoán khác: *Không có*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Từ đầu năm đến nay, dịch bệnh Covid-19 đã trở thành đại dịch trên toàn cầu ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của toàn nền kinh tế. Đến giữa năm, tình hình dịch bệnh trong nước đã cơ bản được kiểm soát, nhưng trên thế giới diễn biến vẫn phức tạp; tình hình thời tiết cực đoan với nhiều đợt thiên tai đã gây ảnh hưởng nặng nề đối với nền kinh tế, sức mua trên thị trường giảm sút rõ rệt, doanh thu bán hàng của hầu hết các mặt hàng Công ty kinh doanh đều giảm. Thị trường tri trở lại cạnh tranh khốc liệt về giá cả, một số mặt hàng truyền thống doanh thu vẫn tiếp tục giảm sút, đặc biệt là ngành hàng điện tử điện lạnh. Do kinh doanh khó khăn, thu nhập CBCNV trong năm 2020 giảm sút dẫn đến tư tưởng một số người lao động bị phân tâm dao động ảnh hưởng đến hoạt động SXKD. Tuy nhiên tình hình tài chính công ty vững vàng, các mặt hàng kinh doanh không bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dịch bệnh, Công ty cũng nhận được các hỗ trợ từ các chính sách chung của Chính phủ, đó là những điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong điều kiện kinh doanh khó khăn, Ban lãnh đạo công ty với bề dày kinh nghiệm đã ứng biến kịp thời, linh hoạt; cán bộ công nhân viên công ty đoàn kết, nhất trí trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

| TT | Chỉ tiêu | Ước thực hiện (triệu đ) | TL hoàn thành KH năm | So cùng kỳ năm trước |
|----|------------------------|-------------------------|----------------------|----------------------|
| 1 | Doanh thu | 263.033 | 101 | 91 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 3.982 | 133 | 100 |
| 3 | Nộp ngân sách | 3.719 | 109 | 112 |
| 4 | Thu nhập Bình quân | 8,6 | 110 | 102 |
| 5 | Cổ tức dự kiến (%/năm) | 10 | 133 | 100 |

- Công tác chấn chỉnh tổ chức XN1, XN2 đã đạt được những ổn định cơ bản. XN1 đã chấm dứt tình trạng thua lỗ, có nhiều cố gắng trong công tác phát triển kinh doanh, cơ bản hoàn thành nhiệm vụ theo NQ HĐQT Công ty. XN2 sau khi ổn định công tác tổ chức và quản lý, kinh doanh phát triển, thu nhập CBCNV cơ bản ổn định và yên tâm công tác.

- XN3 đã có nhiều cố gắng nhưng doanh thu vẫn giảm sút nhiều và bằng 83% so với năm trước. Tuy nhiên XN giữ được hiệu quả kinh doanh và mức thu nhập ổn định.

- XN6 là đơn vị duy nhất trong Công ty đảm bảo mức doanh thu hoàn thành kế hoạch kinh doanh và có sự tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước, đóng góp đáng kể vào tổng doanh thu của Công ty. XN6 đã làm tốt công tác đa dạng hóa mặt hàng kinh doanh, đến nay nhóm hàng khác chiếm gần 50% tổng doanh thu toàn XN.

- Công tác kinh doanh thương mại điện tử đã triển khai tại 3 XN nhưng hoạt động chưa đều đặn và chưa mang lại quy mô doanh thu và hiệu quả.

- Công ty đã ký hợp đồng cho thuê một phần diện tích tầng 1 và toàn bộ diện tích tầng 2 TTTM 25 Lê Lợi, kịp thời cho thuê sau khi Công ty thời trang Nem trả lại mặt bằng, đồng thời khai thác được hết toàn bộ phần diện tích tầng 2 để trống lâu nay, mang lại hiệu quả cho Công ty.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

| Chỉ tiêu | ĐVT | 31/12/2019 | 31/12/2020 | Biến động |
|--------------------|--------|------------|------------|------------|
| Tổng tài sản | 1.000đ | 67.861.057 | 76.897.241 | +9.036.184 |
| - Tài sản ngắn hạn | 1.000đ | 41.365.493 | 50.496.730 | +9.131.237 |
| - Tài sản dài hạn | 1.000đ | 26.495.564 | 26.400.511 | -95.053 |

- Tài sản ngắn hạn tăng 9.131 triệu đồng chủ yếu do giảm giá trị hàng tồn kho. Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu, nên cuối tháng 12 thường là thời điểm Công ty tích trữ hàng hóa để bán ra trước Tết Nguyên Đán. Giá trị hàng tồn kho cao làm tăng tổng giá trị tài sản ngắn hạn.

- Tài sản dài hạn giảm 95 triệu đồng chủ yếu là do việc tăng giá trị tài sản cố định (đầu tư mua sắm phương tiện vận tải), và giá trị khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư phát sinh trong năm.

- Để đảm bảo an toàn vốn, Công ty đã tổ chức đánh giá tuổi nợ của tất cả các khoản công nợ phải thu, một số khoản hàng tồn kho chậm bán do lỗi mốt, thẩm định lại mức trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Tại thời điểm 31/12/2020 mức trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi là: 952 triệu đồng, mức trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là: 562 triệu đồng.

b) Tình hình nợ phải trả:

| Chỉ tiêu | ĐVT | 31/12/2019 | 31/12/2020 | Biến động |
|---------------|--------|------------|------------|------------|
| Nợ phải trả | 1.000đ | 29.609.141 | 38.272.363 | +8.663.222 |
| - Nợ ngắn hạn | 1.000đ | 29.609.141 | 38.272.363 | +8.663.222 |
| - Nợ dài hạn | 1.000đ | 0 | | |

- Nợ ngắn hạn tăng 8.663 triệu đồng chủ yếu do tăng dư nợ khoản vay ngân hàng và tăng dư nợ các nhà phân phối do nhu cầu chuyển tiền mua hàng dự trữ tại thời điểm cuối năm giảm.

- Hiện Công ty không có nợ phải trả xấu

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

3.1. Công tác quản lý

- Từ tháng 3/2020 HĐQT Công ty đã ban hành Nghị quyết phê duyệt cho XN1 cơ chế đặc biệt tạo điều kiện cho XN để ổn định và phát triển hoạt động SXKD sau năm 2019 bị kinh doanh thua lỗ.

- Việc triển khai phần mềm AMIS từ 1/7/2020 tích hợp cả hai phần hành bán hàng và kế toán là một bước ngoặt mới trong công tác quản trị của Công ty, nhằm giúp cho công tác quản trị kinh doanh kịp thời và minh bạch.

- Trước tình hình kinh doanh ngưng trệ do dịch bệnh, các XN quan tâm công tác thu hồi công nợ, dự trữ tồn kho hợp lý; và tranh thủ sự hỗ trợ của các Nhà cung cấp.

- Công tác điều hành: Bám sát chỉ đạo công tác kinh doanh và công tác quản lý trong toàn công ty; quan tâm chỉ đạo công tác kinh doanh các mặt hàng mùa vụ, các mặt hàng mới; đặc biệt quan tâm hỗ trợ XN1 cả công tác kinh doanh và tổ chức giúp XN cơ bản ổn định.; hỗ trợ XN2 công tác phát triển kinh doanh, công tác thu hồi các khoản nợ tồn đọng, ổn định cơ bản công tác tổ chức và quản trị tại XN; hỗ trợ XN6 trong việc định hướng và triển khai công tác kinh doanh trong điều kiện mặt hàng điện tử điện lạnh đặc biệt khó khăn trong năm 2020.

- Công ty căn cứ vào chính sách hỗ trợ do Covid của Nhà nước để làm việc với các cơ quan chức năng và nhận được một số hỗ trợ để khắc phục hoạt động kinh doanh: được hỗ trợ giảm lãi suất tiền vay trong 2,5 tháng (từ 7% - 5,5%); được giãn nộp thuế TNDN, tiền thuê đất, thuế GTGT theo quy định; được miễn 15% tiền thuê đất năm 2020 (291 triệu đồng), được giảm tiền điện từ T4-6/2020 và T10-12/2020.

3.2. Công tác tổ chức

- Cập nhật kịp thời tình hình diễn biến dịch bệnh Covid-19, Hướng dẫn các đơn vị vừa thực hiện nghiêm túc công tác phòng, chống dịch Covid 19 theo các Chỉ thị của Chính phủ, vừa đảm bảo Công ty duy trì tốt hoạt động SXKD

- Sửa đổi Nội quy lao động, Quy chế tuyển dụng, Quy chế quản lý lao động của Công ty cho phù hợp với những điểm đổi mới của Luật lao động năm 2019. Hệ thống lại Quy chế, quy định nội bộ của Công ty (theo hình thức sách điện tử).

- Giúp XN2, XN6 sửa đổi quy định trả lương thưởng của XN cho phù hợp với tình hình hiện tại và ổn định công tác tư tưởng của CBCNV trong Công ty.

- Tuyển dụng bố trí sắp xếp lao động trong toàn Công ty;

- Triển khai tốt các công việc và hoàn thành thủ tục đề nghị các cấp có thẩm quyền phê duyệt công nhận Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa, Doanh nghiệp kiểu mẫu.

- Làm tốt công tác PCCC, PCBL và đảm bảo an ninh an toàn trong toàn Công ty.

3.3. Đánh giá chung

Trong điều kiện kinh doanh vô cùng khó khăn do dịch bệnh, thiên tai, toàn công ty đã có nhiều nỗ lực để giữ ổn định hoạt động kinh doanh, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã đề ra. Kết quả đó thể hiện bản lĩnh, kinh nghiệm ứng xử tốt trước khó khăn của Ban lãnh đạo, và sự nỗ lực cố gắng đáng khích lệ của toàn thể CBCNV Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Nhận định tình hình

Khó khăn:

Dịch bệnh Covid-19 trên thế giới vẫn còn diễn biến phức tạp ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế toàn cầu, thời tiết diễn biến khó lường và cực đoan, thị trường tiềm ẩn nhiều yếu tố cạnh tranh gắt gao, chính sách giá cả có thể có nhiều thay đổi, sự đổi mới mau lẹ của công nghệ hiện nay cũng tác động nhiều tới hoạt động SXKD của Công ty.

Thuận lợi :

Tuy nhiên trong năm sẽ có sự khôi phục mạnh mẽ của nền kinh tế, toàn Công ty cần chủ động nắm bắt thời cơ, linh hoạt sáng tạo để tìm kiếm các cơ hội kinh doanh tốt.

Hậu cần tài chính của Công ty vững vàng tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh duy trì cơ bản ổn định.

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo có bề dày kinh nghiệm, lực lượng lao động trẻ có trình độ ngày càng đông, toàn thể CBCNV có tinh thần đoàn kết, nhất trí trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Công ty đã phát triển được những mặt hàng chủ lực mang lại hiệu quả và quy mô doanh thu cao cho Công ty.

4.2. Phương hướng cơ bản năm 2021

Tập trung tháo gỡ khó khăn, phát huy lợi thế phát triển kinh doanh các mặt hàng chủ lực, đặc biệt là nhóm hàng điện tử điện lạnh, tiếp tục điều chỉnh cơ cấu kinh doanh phù hợp, chắc chắn và hiệu quả. Đổi mới công tác bán hàng, hoàn thiện công tác quản lý, ổn định công tác tổ chức, công tác tư tưởng, từng bước nâng dần quy mô và hiệu quả kinh doanh công ty.

4.3. Một số chỉ tiêu kinh tế

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2021 | Tốc độ tăng trưởng (%) |
|-----------|-------------------|------------|--------------------------|-------------------------------|
| 1 | Tổng giá trị SXKD | Tr.đ | 302.500 | 104 |
| 2 | Doanh thu | Tr.đ | 275.000 | 104 |
| 3 | Lợi nhuận TT | Tr.đ | 3.200 | 83 |
| 4 | Cổ tức đề nghị | %/năm | 3.500 | 94 |

| | | | | |
|---|---------------|------------|-----|----|
| 5 | Nộp ngân sách | Tr.đ | 8,3 | 97 |
| 6 | Thu nhập b/q | Tr.đ/ng/th | 8,0 | 80 |

4.4. Công tác kinh doanh

- Công ty xác định trọng tâm của năm 2021 là phát triển mạnh mặt hàng điện tử, điện lạnh, tranh thủ chiếm lĩnh thị trường nhóm hàng này.
- Tập trung đầu tư phát triển mạnh mẽ kênh TMĐT.
- Các xí nghiệp tập trung củng cố và mở rộng hệ thống phân phối, làm tốt công tác chăm sóc khách hàng
- Chăm lo xây dựng đội ngũ nhân viên thị trường đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Cần đặt biệt quan tâm bồi dưỡng và tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên thị trường ngày càng nâng cao trình độ để hoàn thành nhiệm vụ, đặc biệt là các kỹ năng chăm sóc khách hàng, kỹ năng giao tiếp bán hàng, kiến thức về thương phẩm
- Quan hệ tốt với các nhà cung cấp, tranh thủ các chính sách hỗ trợ nhằm tạo được lợi thế bán hàng trên thị trường và tăng hiệu quả kinh doanh
- Tiếp tục đa dạng hóa mặt hàng kinh doanh, tìm kiếm mặt hàng mới. Đây là nhiệm vụ cấp bách đối với XN mặt hàng kinh doanh còn đơn điệu. Tuy nhiên Công ty và các XN cần rút kinh nghiệm một cách sâu sắc từ những thành công và thất bại trong phát triển mặt hàng mới những năm qua để làm tốt hơn trong thời gian tới. Việc phát triển mặt hàng mới yêu cầu phải thận trọng, chắc chắn, giảm thiểu tối đa những rủi ro có thể xảy đến.
- Sơ kết đánh giá phương thức kinh doanh điện tử để có phương hướng phát triển phương thức kinh doanh này phù hợp với đặc điểm từng ngành hàng và loại hình kinh doanh của công ty. Những XN đã triển khai có hiệu quả tiếp tục khai thác mở rộng thêm. Đối với các ngành hàng và XN chưa làm tốt cần có giải pháp phát triển phù hợp với thực tế.

4.5. Công tác quản lý

- Phát huy hết các tính năng cơ bản, quan trọng của phần mềm quản trị hợp nhất AMIS để nâng cao hiệu quả quản lý chung
- Duy trì tốt nền nếp quản lý tồn kho và công nợ, hạn chế thấp nhất những rủi ro về công nợ khó đòi và công nợ tồn đọng có thể xảy ra, xử lý kịp thời hàng hóa và công nợ tồn đọng.
- Thực hiện nghiêm quy định về hợp đồng kinh tế, hóa đơn chứng từ, ghi chép ban đầu không để xảy ra các vụ việc sai phạm
- Làm tốt công tác công bố thông tin theo quy định đối với công ty niêm yết, quản lý minh bạch

4.6. Công tác tổ chức:

- Tiếp tục rà soát chính sách tiền lương, tiền thưởng gắn liền với chính sách sử dụng lao động và tuyển dụng lao động, vừa đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động, vừa đảm bảo hiệu quả kinh doanh tại đơn vị. Điều chỉnh tăng lương cơ bản cho toàn thể CBCNV trong Công ty.

- Quan tâm bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên, đặc biệt kiến thức về marketing, giao tiếp bán hàng, quản trị kinh doanh, quản trị TMĐT... Tổ chức đào tạo tập trung cho các nhân viên phụ trách TMĐT ở các XN.

- Quan tâm công tác xây dựng đội ngũ kinh doanh tại các đơn vị, đặc biệt là Tổ nghiệp vụ kinh doanh của XN6

- Tổ chức sắp xếp lại công tác tổ chức, công tác nhân sự XN1 đảm bảo bộ máy tổ chức hoạt động có hiệu quả, định biên lao động phù hợp với quy mô kinh doanh

- Phân đầu thu nhập bình quân đạt 8,0 triệu đ/ng/th và đồng đều giữa các XN.

4.7. Công tác đầu tư

- Nghiên cứu đầu tư thêm kho hàng phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty.

4.8. Công tác điều hành

- Công tác điều hành phải linh hoạt, sáng tạo, bám sát thực tiễn, trực tiếp tại từng đơn vị trong toàn Công ty.

- Quan tâm hỗ trợ XN1 ổn định tổ chức, phát triển kinh doanh.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- Công tác từ thiện, xã hội: Tổ chức hoạt động tháng công nhân: tổ chức thăm hỏi, tặng quà 2 gia đình CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, mỗi gia đình 2tr đồng nhân dịp tháng công nhân; Tặng quà Tết thiếu nhi, Tết trung thu cho các cháu TNNĐ số tiền 17,3 trđ; Tặng quà gia đình chính sách ngày thương binh liệt sỹ; Bảo trợ 1 gia đình có hoàn cảnh đặc biệt bằng số tiền hỗ trợ 1 triệu đồng/tháng từ T6/2020; Ủng hộ Miền Trung lũ lụt 20 triệu đồng, Quỹ vì người nghèo 20 triệu đồng, Covid 10 triệu đồng.

- Công ty đã hỗ trợ khó khăn do dịch Covid-19 cho các XN (tiền lương, tiền thuê kho, số tiền 200 triệu đồng), hỗ trợ các đơn vị thuê mặt bằng kinh doanh (30% tiền thuê 01 tháng, số tiền: 248 triệu đồng), trợ cấp khó khăn cho CBCNV XN1 trong 2 tháng, số tiền 20 triệu đồng

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

1.1. Công ty đã hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch đề ra

| TT | Chỉ tiêu | Thực hiện (triệu đ) | Tỷ lệ hoàn thành KH năm | So cùng kỳ năm trước |
|----|------------------------|------------------------|----------------------------|-------------------------|
| 1 | Doanh thu | 263.033 | 101 | 92 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 3.982 | 133 | 101 |
| 3 | Nộp ngân sách | 3.719 | 109 | 112 |
| 4 | Thu nhập Bình quân | 8,6 | 110 | 102 |
| 5 | Cổ tức dự kiến (%/năm) | 10 | 133 | 100 |

Chỉ riêng chỉ tiêu doanh thu, do ảnh hưởng của đại dịch Covid nên Đại hội đồng cổ đông trong năm có điều chỉnh giảm xuống 15% so với đầu năm. Các chỉ tiêu khác đều hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra từ đầu năm.

1.2. Điều hành kinh doanh ứng phó với đại dịch Covid một cách hiệu quả

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về phòng chống Covid của Chính phủ. Các quyết định điều hành đều rất kịp thời và dứt khoát, ngay cả quyết định đóng cửa kho hàng, quầy hàng.

- Trên cơ sở nhận định, đánh giá, dự báo đúng tình hình thị trường từ đó bình tĩnh ứng phó, điều chỉnh kinh doanh phù hợp, giảm thiệt hại, từng bước vượt qua khó khăn.

- Thực hiện tốt công tác hỗ trợ các Xí nghiệp trực thuộc và cả các đối tác kinh doanh gặp khó khăn, ổn định công ăn việc làm, thu nhập người lao động. Những tháng phải đóng cửa SXKD hoặc khó khăn nhất thu nhập tối thiểu người lao động bằng mức lương cơ bản theo cấp bậc, thu nhập bình quân năm cao hơn năm trước

- Các đối tác thuê mặt bằng kinh doanh cũng được hỗ trợ 248 triệu đồng, giúp các đối tác vượt qua khó khăn.

1.3. Hỗ trợ Xí nghiệp 1 ổn định trở lại và từng bước mở rộng kinh doanh ngay trong năm thị trường đặc biệt khó khăn.

Trước tình hình XN1 bị thu hẹp dần thị trường, kinh doanh thua lỗ nặng nề trong các năm 2018, 2019, HĐQT Công ty đã quyết định cho tổ chức lại và dành cho Xí nghiệp một quy chế ưu đãi đặc biệt trong năm 2020. Cùng với đó là sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Ban TGD điều hành, Xí nghiệp đã từng bước đi vào ổn định. Từ tháng 6/2020 đến nay doanh thu tăng dần lên, thu nhập CBCNV đã vượt qua 6 triệu đồng/tháng, người lao động đã yên tâm công tác. Mối quan hệ với các nhà cung ứng đã trở nên gắn bó hơn. Hệ thống các đại lý trong tỉnh đã được củng cố. Công nợ phải thu đã giảm xuống thấp, tồn kho lành mạnh. Đến nay đã hoàn toàn tin tưởng Xí nghiệp trở lại hoạt động bình thường và có hiệu quả.

1.4. Xí nghiệp 2 phát triển tốt sau khi đã được chấn chỉnh lại toàn diện trong năm 2019.

Kinh doanh ổn định, các mặt tổ chức, quản lý đều có tiến bộ. Sáu tháng cuối năm thu nhập bình quân trên 7 triệu đồng/người/tháng là mức trung bình cao nhất trong nhiều năm qua của Xí nghiệp.

1.5. XN6 sau nhiều năm liên tục cố gắng đa dạng hoá mặt hàng đến nay doanh thu mặt hàng mới đã đạt đến 50% tổng doanh thu. Các nhãn hàng điện tử điện lạnh: Toshiba, Samsung, Panasonic, Casper... chiếm tỷ trọng ngày càng tăng. Nhờ đó tổng doanh thu trong năm không bị giảm sút (*tương đương năm trước*), duy trì được kinh doanh trong điều kiện thị trường ngành hàng điện tử, điện lạnh khủng hoảng nghiêm trọng.

1.6. Xí nghiệp 3 đã thể hiện được bản lĩnh và tính bền vững của mình trước tình hình nghiệt ngã của thị trường trong năm. Việc từng bước xây dựng và duy trì quỹ lương chưa chia để điều hoà lúc khó khăn là kinh nghiệm quý mà các Xí nghiệp khác cần tham khảo, học tập.

1.7. Tìm kiếm đối tác cho thuê khai thác hết diện tích kinh doanh còn để trống tại khu Trung tâm TM 25 Lê Lợi từ tháng 12/2020

1.8. Nâng cấp công nghệ quản trị doanh nghiệp thông qua việc áp dụng phần mềm AMIS trong Công ty từ tháng 7/2020.

Thông qua việc nâng cấp này việc cập nhật các mặt hàng kinh doanh được kịp thời chính xác, các quyết định kinh doanh quản lý khoa học và hợp lý hơn, hạn chế nhiều khuyết điểm trong quản trị trước đây.

1.9. Tiếp tục làm tốt công tác quản lý công nợ phải thu, hàng tồn kho, dư nợ tiền vay, quản lý chặt chẽ vốn kinh doanh. Việc kê khai thanh toán các khoản từ hỗ trợ của nhà nước và ngân hàng (các doanh nghiệp bị ảnh hưởng vì Covid) được thực hiện kịp thời, đầy đủ.

1.10. Thực hiện nghiêm túc chương trình hành động đã đề ra, được UBND Thành phố Thanh Hóa công nhận doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá, Hội đồng thi đua tỉnh công nhận doanh nghiệp kiểu mẫu

1.11. Thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động: Là năm kinh doanh khó khăn nhưng Công ty đảm bảo thu nhập bình quân cao hơn năm trước do Công ty có nhiều chính sách hỗ trợ người lao động

1.12. Khuyết điểm, nhược điểm:

- Doanh thu đi xuống
- Thương mại điện tử không có tiến triển
- Phương án chia lương, thưởng ở XN2 và XN6 không phù hợp với tình hình mới.

Đánh giá chung: Năm 2020 đại dịch COVID-19 và lũ lụt bất thường đã tác động đặc biệt to lớn đến kinh tế xã hội nói chung và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng. Trong bối cảnh đó HĐQT Công ty đã có những quyết sách đúng đắn kịp thời lãnh đạo và quản lý công ty vượt qua thử thách hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, đảm bảo công ăn việc làm thu nhập của người lao động, nộp ngân sách nhà nước, tăng cường công tác tổ chức các Xí nghiệp, nâng cấp công tác quản trị toàn công ty, xây dựng doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá. Đây là những thành tựu hết sức có ý nghĩa khẳng định bản lĩnh, vai trò của HĐQT cũng như sự trưởng

thành của hệ thống quản lý công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban TGD Công ty đã bám sát vào nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty, đồng thời có sự linh hoạt trong điều hành. Mỗi tháng, mỗi quý đều có chương trình kế hoạch, công tác trọng tâm để tập trung chỉ đạo.

Đánh giá chung: ban TGD đã hoàn thành cơ bản nhiệm vụ điều hành công ty được giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Đánh giá tình hình

Khó khăn

- Trong nửa đầu năm 2021 đại dịch COVID-19 vẫn còn tác động tiêu cực đến nền kinh tế các nước. Kinh doanh các doanh nghiệp vẫn bị kìm hãm, tình trạng thất nghiệp, thu nhập thấp ảnh hưởng lớn đến sức cầu, thị trường còn trì trệ. Thời tiết có thể diễn biến cực đoan, khó lường.
- Sự cạnh tranh thương trường ngày càng quyết liệt do nguồn cung dư thừa trong khi khả năng thanh toán của dân cư hạn chế.
- Sự tiến bộ của công nghệ: Công nghệ sản xuất, công nghệ bán hàng, công nghệ quản trị diễn ra cực kỳ nhanh chóng, là một thách thức to lớn với các doanh nghiệp nói chung và công ty nói riêng. Đòi hỏi công ty phải thích nghi nếu không muốn tụt hậu và bị đào thải.

Thuận lợi

- Thị trường sau COVID-19 sẽ hồi phục nhanh chóng, dự kiến từ tháng 6/2021
- Hậu cần tài chính công ty tương đối vững vàng
- Đội ngũ công ty có bản lĩnh và kinh nghiệm

Phương hướng chung:

Tranh thủ tối đa thuận lợi thị trường hồi phục sau COVID-19, tập trung phát triển hiệu quả thị trường. Củng cố và phát huy công tác quản trị doanh nghiệp trên cơ sở phần mềm AMIS, xây dựng các Xí nghiệp hiệu quả và vững mạnh.

3.1. Tập trung phát triển thị trường các mặt hàng kinh doanh của công ty

- Đối với các mặt hàng truyền thống đang phát huy tốt: như Sứ Hải Dương, Nhôm Hải Phòng, BDPN Rạng Đông, quạt điện, Nội thất Hoà Phát, Nội thất Xuân Hoà, Điện lạnh Hoà Phát, Điện lạnh Aqua cần nỗ lực tăng cường qui mô và hiệu quả để khẳng định vị thế của thương hiệu hàng hoá và công ty trên thương trường.
- Trong phát triển mặt hàng mới tập trung cho nhóm điện tử - điện lạnh, những nhãn hiệu có thương hiệu và tiềm năng như: Samsung, Toshiba, Panasonic, Daikin...
- Quan tâm củng cố mở rộng thị trường, tạo sự phát triển ổn định đối với một số mặt hàng tuy quy mô nhỏ nhưng có ý nghĩa lớn với Xí nghiệp như Sứ Hải Dương, Nhựa Đại đồng tiến, Nhựa Duy Tân.

3.2. Đầu tư phát triển thương mại điện tử: Xác định đây là việc làm lâu dài, không nóng vội. Cần thiết xây dựng phương án tổng thể toàn diện cho 5 năm tới, trong đó vừa phát huy tổ Thương mại điện tử Xí nghiệp 6 nâng nhanh qui mô theo kế hoạch đã có vừa chú trọng công tác đào tạo cho công cuộc lâu dài. Chú trọng trao đổi học tập với các đơn vị bạn đang làm tốt hình thức thương mại này.

3.3. Tăng cường công tác quản trị công ty đáp ứng yêu cầu minh bạch, kịp thời, hiệu quả. Phát huy vai trò công cụ trung tâm: phần mềm Amis và hóa đơn điện tử, luôn duy trì tồn kho, dư nợ phải thu, tiền độ nhập hàng hợp lý. Giữ nghiêm kỷ luật thanh quyết toán...

3.4. Công tác tổ chức trong năm: Trọng tâm là tiếp tục củng cố các Xí nghiệp vừa được tổ chức lại để đảm bảo kinh doanh, quản lý tốt. Đội ngũ lao động yên tâm công tác, đoàn kết xây dựng Xí nghiệp (XN1, XN2).

- Nhiệm vụ có tầm quan trọng quyết định của mỗi Xí nghiệp kinh doanh thương mại là công tác thị trường. Phải xây dựng được thị trường thân thiện, hợp tác, ổn định và phát triển. Danh mục mặt hàng kinh doanh đủ để Xí nghiệp kinh doanh, khai thác hiệu quả. Xí nghiệp 1 hiện nay đang rất cần củng cố phát huy 3 mặt hàng đã có và phải tìm kiếm mặt hàng mới.

- Các Xí nghiệp cần rà soát, điều chỉnh lại phương án chia lương thưởng của mình cho phù hợp với tình hình, với trình độ kinh doanh, quản lý của mình. Cần thiết phải hình thành quỹ lương chưa chia để điều hoà lúc khó khăn (kinh nghiệm XN3)

- Trong năm cần quan tâm công tác đào tạo đặc biệt là đào tạo về thương mại điện tử, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài.

3.5. Công tác đầu tư

Xem xét, tìm kiếm để đầu tư khu kho thứ 2 tại Khu Tây Bắc Ga.

3.6. Hoạt động của Hội đồng quản trị.

Phát huy những ưu điểm, thành tích đã được trong năm 2020, trong công tác lãnh đạo, quản lý công ty.

- Xác lập các phương hướng mục tiêu khoa học hợp lý trên cơ sở phân tích đánh giá tình hình, đề ra các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu đúng đắn giúp công ty duy trì phát triển và bền vững.

- Rà soát, sửa đổi và bổ sung hệ thống quy chế quản lý, đảm bảo hệ thống quản lý luôn phù hợp với sự phát triển của môi trường kinh doanh và bản thân công ty nhằm phát huy tốt nhất các tiềm năng của công ty và tận dụng tốt nhất các cơ hội thị trường đem lại.

- Làm tốt công tác giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty để đảm bảo các hoạt động kinh doanh của Công ty luôn tuân thủ pháp luật, điều lệ, quy chế công ty.

- Từng thành viên HĐQT làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, phấn đấu Công ty hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu đề ra, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị :

| Họ tên | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu CP (%) | | TT về giao dịch CP | Ghi chú |
|------------------|-----------------|---------------------|----------|--------------------|---------|
| | | Năm 2019 | Năm 2020 | | |
| Trương Vạn Thành | CT HĐQT độc lập | 9,54 | 9,54 | | |
| Nguyễn Thanh Hải | TV HĐQT | 7,50 | 7,50 | | |
| Lê Văn Tường | TV HĐQT | 7,00 | 7,00 | | |
| Chu Thị Hoà | TV HĐQT | 6,67 | 6,67 | | |
| Lê Mạnh Chiến | TV HĐQT độc lập | 0 | 0 | | |

Ông Trương Vạn Thành – Chủ tịch HĐQT công ty

Quê quán: Xã Hoằng Phụ - Huyện Hoằng Hóa - Tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: 12/3 Phố Bến Ngự - P. Trường Thi – TP Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc: 0903452212

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ khoa học kinh tế

Quá trình công tác:

| | | |
|---|------------------------|---|
| ▪ | 12/1988 - 09/1991 | Giám đốc xí nghiệp sứ Nông Cống Thanh Hoá |
| ▪ | 10/1991 - 09/1994 | Hiệu trưởng trường dạy nghề Thương mại và du lịch Thanh Hoá |
| ▪ | 10/1994 - 09/2003 | Giám đốc công ty công nghệ phẩm Thanh Hoá |
| ▪ | 10/2003 - 18/05/2004 | Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty TM&DV Thanh Hoá |
| ▪ | 19/05/2004 - 07/2006 | Phó chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Thanh Hoá - Sông Đà |
| ▪ | 01/06/2009- 20/05/2013 | Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Thanh Hoá - Sông Đà |
| ▪ | Từ 21/05/2013 đến nay | Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thanh Hoá - Sông Đà |

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT CTCP Thanh Hoá - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có

Số cổ phần nắm giữ: 286.300 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

| Họ và tên | Quan hệ với người khai | Số cổ phần nắm giữ |
|------------------------|------------------------|--------------------|
| Nguyễn Thị Thanh | Vợ | 35.500 |
| Trương Thị Thanh Huyền | Con | 130.000 |

Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Nguyễn Thanh Hải – Thành viên HĐQT (như mục II.2)

Ông Lê Văn Tường – Thành viên HĐQT (như mục II.2)

Bà Chu Thị Hòa – Thành viên HĐQT (như mục II.2)

Ông Lê Mạnh Chiến – Thành viên HĐQT

Họ và tên : Lê Mạnh Chiến
 Giới tính : Nam
 Số CCCD : 022082004606 Ngày cấp: 04/03/2019
 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
 Ngày tháng năm sinh: 08/03/1983
 Nơi sinh: Xã Liên Vị, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: P204 CT1A, Văn Quán, Yên Phúc, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội
 Số điện thoại liên lạc: 0911313811
 Trình độ văn hoá: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
 Quá trình công tác:

| | | |
|---|-----------------|--|
| ▪ | 2005 – 2010 | Làm việc tại Công ty CP vật tư vận tải và xây dựng công trình |
| ▪ | 2010 - 2017 | Giám đốc Công ty CP tư vấn và xây dựng Long Việt |
| ▪ | 2017 – T3/2019 | - Giám đốc Công ty CP tư vấn và xây dựng Long Việt - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần DH Seafood |
| ▪ | T4/2019 đến nay | - Giám đốc Công ty CP tư vấn và xây dựng Long Việt - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần DH Seafood - Giám đốc Công ty cổ phần Bảo Lâm Sơn La - Ủy viên HĐQT Cty CP Thanh Hoa Sông Đà |

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT Cty CP Thanh Hoa Sông Đà

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

| Họ và tên | Quan hệ với người khai | Số cổ phần nắm giữ |
|-------------------------------|------------------------|--------------------|
| <i>Nguyễn Thị Thanh</i> | <i>Mẹ vợ</i> | <i>35.500</i> |
| <i>Trương Thị Thanh Huyền</i> | <i>Vợ</i> | <i>130.000</i> |

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Ban kiểm toán nội bộ

- Từ sau ĐHĐCĐ thường niên 2018, căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị mới của Công ty được ĐHĐCĐ thường niên 2018 thông qua, HĐQT đã kiện toàn lại bộ máy tiểu ban tài chính – kế toán trực thuộc HĐQT để đảm bảo hoạt động có hiệu quả và khách quan của tiểu ban, đảm bảo thực hiện tốt chức năng tư vấn và kiểm tra giám sát cho HĐQT. (*Quyết định thành lập tiểu ban số 17/HĐQT-QĐ ngày 02/05/2018*)

- Tiểu ban gồm 3 thành viên:

Ông Trương Vạn Thành - Chủ tịch HĐQT công ty

Bà Nguyễn Thị Hiền - Cổ đông công ty

Bà Lê Thị Thoa - Cổ đông công ty

- Chức năng và nhiệm vụ của Tiểu ban.

Ban kiểm toán nội bộ là bộ phận tham mưu giúp việc cho HĐQT Công ty, có chức năng và nhiệm vụ như sau:

+ Tổ chức kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê, lập báo cáo tài chính và việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết, Quy định của HĐQT. Việc kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất được thực hiện theo kế hoạch và các văn bản chỉ đạo của HĐQT.

+ Thẩm tra báo cáo quyết toán hàng quý các đơn vị trực thuộc và toàn công ty; Thẩm tra báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo tài chính năm của Công ty trước thời điểm kiểm toán độc lập.

+ Báo cáo HĐQT định kỳ và theo vụ việc về kết quả công tác kiểm tra, thẩm tra, giám sát đã thực hiện.

+ Thực hiện các công việc khác do HĐQT giao.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Với vai trò là người thay mặt Đại hội đồng cổ đông để quản lý công ty, HĐQT trong năm đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình.

+ Quyết định rất kịp thời quyết liệt, thực hiện nghiêm túc các quyết định của Chính phủ về phòng chống dịch, đồng thời nhận diện đánh giá chính xác, kịp thời tình hình, dự báo đúng xu hướng vận động thị trường, bình tĩnh ứng phó và có quyết sách đúng đắn để duy trì kinh doanh, hạn chế thiệt hại xảy ra như đóng cửa kinh doanh (tháng 4), tập trung cao độ kinh doanh trong tháng 5, sớm xác định ngành hàng điện tử

điện lạnh sẽ đi vào khủng hoảng kéo dài...

+ Kiện toàn lại Xí nghiệp 1 trong điều kiện Xí nghiệp kinh doanh thu lỗ có sự phân rã về tư tưởng, tổ chức. Đặc biệt là HĐQT đã có nghị quyết về chính sách tài chính ưu đãi tạo điều kiện để Xí nghiệp từng bước xây dựng lại thị trường ngành hàng, ổn định tư tưởng, tổ chức để vượt qua khủng hoảng.

+ Vai trò quyết định trong việc lựa chọn và sử dụng phần mềm AMIS, nâng cấp quản trị Công ty.

+ Có nhiều chính sách hỗ trợ, đảm bảo thu nhập người lao động

+ Đặc biệt quan tâm lãnh đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ đề ra để được công nhận Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá, doanh nghiệp kiểu mẫu.

+ Trong năm HĐQT Công ty cũng đã xem xét bổ sung, sửa đổi các quy chế về tuyển dụng lao động, quản lý lao động cho phù hợp với Bộ luật Lao động sửa đổi mới nhất.

- **HĐQT luôn tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty**, các thành viên luôn cẩn trọng trong công tác và cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Các cuộc họp của HĐQT** định kỳ hàng tháng được chuẩn bị công phu, diễn ra dân chủ và tinh thần trách nhiệm cao.

Trong năm đã có 12 cuộc họp, ban hành 11 Quyết định và 18 Nghị quyết.

Công tác giám sát của HĐQT đối với Ban TGD điều hành và cán bộ quản lý công ty, luôn được tiến hành chặt chẽ, có hệ thống với tinh thần trách nhiệm cao với cổ đông và tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, điều hành SXKD.

- Đánh giá chung

Năm 2020 đại dịch COVID-19 và lũ lụt bất thường đã tác động đặc biệt to lớn đến kinh tế xã hội nói chung và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng.

Trong bối cảnh đó HĐQT Công ty đã có những quyết sách đúng đắn kịp thời lãnh đạo và quản lý công ty vượt qua thử thách hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, đảm bảo công ăn việc làm thu nhập của người lao động, nộp ngân sách nhà nước, tăng cường công tác tổ chức các Xí nghiệp, nâng cấp công tác quản trị toàn công ty, xây dựng doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá.

Đây là những thành tựu hết sức có ý nghĩa khẳng định bản lĩnh, vai trò của HĐQT cũng như sự trưởng thành của hệ thống quản lý công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

| Họ tên | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu CP (%) | | TT về giao dịch CP | Ghi chú |
|----------------|------------|---------------------|----------|--------------------|---------|
| | | Năm 2019 | Năm 2020 | | |
| Đỗ Văn Thái | Trưởng BKS | 4,28 | 4,28 | | |
| Cao Thị Hiền | TV BKS | 1,00 | 1,00 | | |
| Nguyễn Thị Lại | TV BKS | 0,67 | 0,67 | | |

Các thành viên Ban kiểm soát

- Ông Đỗ Văn Thái – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên : **Đỗ Văn Thái**

Giới tính : Nam

Số CMTND : 171015509 Ngày cấp: 01/07/2009 Nơi cấp: CA Thanh Hóa

Ngày tháng năm sinh: 02/09/1961

Nơi sinh : Xã Minh Khôi - Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán : Xã Minh Khôi - Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: 183 Đường 5 Đông Phát - Đông Vệ – TP Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0915.000.669

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

| | | |
|---|------------------|--|
| ▪ | 2/1982 - 5/1985 | Đi bộ đội |
| ▪ | 6/1985 - 12/1989 | Làm việc tại Xí nghiệp sứ Nông Cống – Thanh Hóa |
| ▪ | 1/1990 - 2/1995 | Làm việc tại Trạm thú ý Nông Cống - Thanh Hóa |
| ▪ | 3/1995 - 9/2003 | Làm việc tại Công ty công nghệ phẩm Thanh Hóa |
| ▪ | 10/2003 - 5/2004 | Làm việc tại CTY CP TM&DV Thanh Hoa |
| ▪ | 6/2004 - 1/2009 | Làm việc tại CTY CP Thanh Hoa Sông Đà |
| ▪ | 2/2009 - 11/2013 | Giám đốc xí nghiệp TM&DV số 2 - Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà |
| ▪ | 12/2013 - 9/2016 | Ủy viên HĐQT, Giám đốc xí nghiệp TM&DV số 2 - Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà |
| ▪ | 10/2016 - 3/2019 | Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc xí nghiệp TM&DV số 2 - Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà |
| ▪ | 4/2019 đến nay | Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà |

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần

Thanh Hoa - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ: 128.500 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

| STT | Họ và tên | Quan hệ với người khai | Số cổ phần nắm giữ |
|-----|--------------|------------------------|--------------------|
| 1 | Lê Thị Lương | Vợ | 2.530 |

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

- Bà Cao Thị Hiền – Thành viên Ban BKS

Họ và tên: **Cao Thị Hiền**

Giới tính: Nữ

Số Thẻ CCCD: 038182010560 Ngày cấp: 19/04/2018

Ngày tháng năm sinh: 15/10/1982

Nơi sinh: Xã Hoằng Quang – Huyện Hoằng Hóa - Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Hoằng Quang – Huyện Hoằng Hóa - Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: 5/183 Trần Bình Trọng - P.Quảng Hưng - TP T. Hoá

Số điện thoại liên lạc: 0941046996

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

| | | |
|---|-------------------|--|
| ▪ | 09/2003 - 05/2004 | Làm việc tại Công ty CP TM&DV Thanh Hoa |
| ▪ | 06/2004 - 05/2013 | Nhân viên Phòng Hành chính Cty CP Thanh Hoa Sông Đà |
| ▪ | 06/2013 – 05/2014 | Phó Phòng Hành chính Cty CP Thanh Hoa Sông Đà |
| ▪ | 06/2014 đến nay | Ủy viên Ban kiểm soát, Phó Phòng Hành chính Cty CP Thanh Hoa Sông Đà |

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên BKS, Phó Phòng Hành chính Cty CP Thanh Hoa Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ: 30.000 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

- Bà Nguyễn Thị Lại – Thành viên BKS

Họ và tên: Nguyễn Thị Lại
Giới tính: Nữ
Số CMTND: 171893461 Ngày cấp: 18/05/2007 Nơi cấp: CA TH
Ngày tháng năm sinh: 02/09/1969
Nơi sinh: Xã Nga Bạch – Huyện Nga Sơn - Tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Xã Nga Bạch – Huyện Nga Sơn - Tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú: 156 Đội Cung – P. Trường Thi - TP Thanh Hoá
Số điện thoại liên lạc: 0373.852.212
Trình độ văn hoá: 10/10
Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán
Quá trình công tác:

| | | |
|---|-------------------|--|
| ▪ | 01/1991 - 06/2000 | Làm việc tại Công ty công nghệ phẩm Thanh Hóa |
| ▪ | 07/2000 - 12/2009 | Làm việc tại Công ty CP Bách hóa số 3 - Thanh Hoa Sông Đà |
| ▪ | 01/2010 - 05/2014 | Trưởng ban kế toán tại Xí nghiệp 3 - Cty CP Thanh Hoa Sông Đà |
| ▪ | 06/2014 đến nay | Ủy viên Ban kiểm soát, Trưởng ban kế toán tại Xí nghiệp 3 - Cty CP Thanh Hoa Sông Đà |

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên BKS Cty CP Thanh Hoa Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ: 20.000 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

| STT | Họ và tên | Quan hệ với người khai | Số cổ phần nắm giữ |
|-----|-------------------|------------------------|--------------------|
| 1 | Nguyễn Thành Đồng | Em trai | 134.100 |

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2020 ban Kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ và tham dự tất cả các cuộc họp Hội đồng Quản trị Công ty, nhằm duy trì việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đóng góp ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn.

- Khi được xin ý kiến, các thành viên BKS đã gửi ý kiến về HĐQT Công ty đầy đủ.

- Tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT, ban Tổng giám đốc Công ty năm 2019 cụ thể:

- Xem xét pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, ban Tổng Giám đốc trong năm 2019 theo các quy định của pháp luật và của Công ty.

- Thẩm định báo cáo Tài chính các quý, cũng như năm của Công ty, nhằm đánh giá trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam..

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát năm 2020

Đơn vị tính: triệu đồng

| Họ tên | Chức vụ | Lương | Thù lao | Thưởng | Cộng | Ghi chú |
|------------------|-----------------|--------------|------------|------------|--------------|------------|
| Trương Văn Thành | Chủ tịch HĐQT | 378 | | 63 | 441 | TV độc lập |
| Nguyễn Thanh Hải | UV HĐQT, TGD | 266 | 96 | 16 | 378 | |
| Lê Văn Tường | UV HĐQT, P. TGD | 218 | 96 | 16 | 330 | |
| Chu Thị Hòa | UV HĐQT, P. TGD | 192 | 96 | 16 | 304 | |
| Lê Mạnh Chiến | UV HĐQT | | 96 | 16 | 102 | TV độc lập |
| Đỗ Văn Thái | Trưởng BKS | 136 | 60 | 10 | 206 | TV độc lập |
| Cao Thị Hiền | TV BKS | 121 | 36 | 6 | 163 | TV độc lập |
| Nguyễn Thị Lại | TV BKS | 140 | 36 | 6 | 182 | TV độc lập |
| Cộng | | 1.451 | 516 | 149 | 2.116 | TV độc lập |

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Không có

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán



Số: 04.../2021/BCKT/AASCN.PB

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà được lập ngày 09 tháng 02 năm 2021, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2021

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
 và Kiểm toán Nam Việt - Chi nhánh phía Bắc**



Ban Thị Ngọc Lân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2018-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Nguyễn Nhung

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3360-2020-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

| STT | TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A. | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 50.496.730.101 | 41.365.493.302 |
| I. | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.01 | 4.608.544.374 | 5.059.280.242 |
| 1. | Tiền | 111 | | 3.858.544.374 | 5.059.280.242 |
| 2. | Các khoản tương đương tiền | 112 | | 750.000.000 | - |
| II. | Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. | Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. | Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 10.851.296.127 | 9.532.613.520 |
| 1. | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.02 | 5.023.042.471 | 5.998.056.650 |
| 2. | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.03 | 712.340.910 | 120.577.061 |
| 3. | Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. | Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. | Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. | Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.04 | 6.068.224.655 | 4.469.364.697 |
| 7. | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | V.05 | (952.311.909) | (1.055.384.888) |
| 8. | Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. | Hàng tồn kho | 140 | V.06 | 34.211.918.050 | 26.541.993.531 |
| 1. | Hàng tồn kho | 141 | | 34.774.441.390 | 27.376.629.148 |
| 2. | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | (562.523.340) | (834.635.617) |
| V. | Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 824.971.550 | 231.606.009 |
| 1. | Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.09 | 132.661.348 | 152.101.927 |
| 2. | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 692.310.202 | 79.504.082 |
| 3. | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. | Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| STT | TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| B. | TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 26.400.510.881 | 26.495.564.303 |
| I. | Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. | Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | V.02 | - | - |
| 2. | Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | V.03 | - | - |
| 3. | Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. | Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 6. | Phải thu dài hạn khác | 216 | V.04 | - | - |
| 7. | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | - | - |
| II. | Tài sản cố định | 220 | | 13.963.142.623 | 13.482.269.285 |
| 1. | Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.07 | 13.963.142.623 | 13.482.269.285 |
| | - Nguyên giá | 222 | | 26.350.692.910 | 25.284.153.637 |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (12.387.550.287) | (11.801.884.352) |
| 2. | Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| | - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | - | - |
| 3. | Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| | - Nguyên giá | 228 | | - | - |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | - | - |
| III. | Bất động sản đầu tư | 230 | V.08 | 12.208.153.015 | 12.816.862.975 |
| 1. | Nguyên giá | 231 | | 20.870.696.426 | 20.870.696.426 |
| 2. | Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | | (8.662.543.411) | (8.053.833.451) |
| IV. | Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| 1. | Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - |
| V. | Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| VI. | Tài sản dài hạn khác | 260 | | 229.215.243 | 196.432.043 |
| 1. | Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.09 | 229.215.243 | 196.432.043 |
| 2. | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 4. | Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 76.897.240.982 | 67.861.057.605 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| STT | NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| C. | NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 38.272.363.253 | 29.609.141.607 |
| I. | Nợ ngắn hạn | 310 | | 38.272.363.253 | 29.609.141.607 |
| 1. | Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.11 | 26.642.518.599 | 21.567.419.350 |
| 2. | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 581.145.648 | 436.025.169 |
| 3. | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.12 | 246.070.851 | 279.146.627 |
| 4. | Phải trả người lao động | 314 | | 715.217.807 | 552.320.986 |
| 5. | Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | - | - |
| 8. | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.14 | 763.636.364 | 13.636.364 |
| 9. | Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.13 | 491.877.442 | 476.227.607 |
| 10. | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.10 | 8.073.620.150 | 5.535.302.100 |
| 12. | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 758.276.392 | 749.063.404 |
| II. | Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 6. | Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | V.14 | - | - |
| D. | VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 38.624.877.729 | 38.251.915.998 |
| I. | Vốn chủ sở hữu | 410 | V.15 | 38.624.877.729 | 38.251.915.998 |
| 1. | Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| | - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 5. | Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | | (2.162.020.000) | (2.162.020.000) |
| 8. | Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 7.600.948.010 | 7.288.394.010 |
| 11. | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 3.185.949.719 | 3.125.541.988 |
| | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước | 421a | | - | - |
| | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 3.185.949.719 | 3.125.541.988 |
| II. | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 76.897.240.982 | 67.861.057.605 |

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

lon

VR



Nguyễn Thị Ngọc Trâm

Vũ Thị Lý

Nguyễn Thanh Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

| STT | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-----|--|-----------|--------------|------------------------|------------------------|
| 1. | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.01 | 263.075.553.608 | 286.506.449.165 |
| 2. | Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.02 | 41.614.632 | 134.186.271 |
| 3. | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 263.033.938.976 | 286.372.262.894 |
| 4. | Giá vốn hàng bán | 11 | VI.03 | 243.761.241.182 | 266.664.293.121 |
| 5. | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 19.272.697.794 | 19.707.969.773 |
| 6. | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.04 | 598.621.860 | 409.152.954 |
| 7. | Chi phí tài chính | 22 | VI.05 | 525.702.494 | 715.016.430 |
| | <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | <i>525.702.494</i> | <i>714.404.101</i> |
| 8. | Chi phí bán hàng | 25 | VI.08 | 11.721.772.082 | 12.020.656.084 |
| 9. | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.08 | 4.351.337.009 | 4.852.300.655 |
| 10. | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 3.272.508.069 | 2.529.149.558 |
| 11. | Thu nhập khác | 31 | VI.06 | 1.965.379.669 | 2.848.391.180 |
| 12. | Chi phí khác | 32 | VI.07 | 1.254.986.778 | 1.451.565.524 |
| 13. | Lợi nhuận khác | 40 | | 710.392.891 | 1.396.825.656 |
| 14. | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 3.982.900.960 | 3.925.975.214 |
| 15. | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.09 | 796.951.241 | 800.433.226 |
| 16. | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | 3.185.949.719 | 3.125.541.988 |
| 18. | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | 1.130 | 1.116 |
| 19. | Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.11 | 1.130 | 1.116 |

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Trâm

Kế toán trưởng



Vũ Thị Lý

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

| STT | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|------------|--|-------|-------------|------------------------|------------------------|
| I. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. | <i>Lợi nhuận trước thuế</i> | 01 | | 3.982.900.960 | 3.925.975.214 |
| 2. | <i>Điều chỉnh cho các khoản</i> | | | | |
| - | Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT | 02 | | 2.571.419.986 | 2.058.694.206 |
| - | Các khoản dự phòng | 03 | | (375.185.256) | 600.101.053 |
| - | Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | 612.329 |
| - | Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (638.769.350) | (332.317.999) |
| - | Chi phí lãi vay | 06 | | 525.702.494 | 714.404.101 |
| - | Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. | <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i> | 08 | | 6.066.068.834 | 6.967.468.904 |
| - | Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (1.828.415.748) | 6.344.252.861 |
| - | Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (7.397.812.242) | 9.065.815.906 |
| - | Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) | 11 | | 6.109.594.116 | (4.605.255.818) |
| - | Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (13.342.621) | 70.100.295 |
| - | Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - | Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (525.702.494) | (714.404.101) |
| - | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (807.071.749) | (720.173.715) |
| - | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - | Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | (103.775.000) | (165.340.000) |
| | <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i> | 20 | | 1.499.543.096 | 16.242.464.332 |
| II. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác | 21 | | (2.443.583.364) | (3.449.883.374) |
| 2. | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác | 22 | | 378.181.819 | 45.454.545 |
| 3. | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 260.587.531 | 286.863.454 |
| | <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i> | 30 | | (1.804.814.014) | (3.117.565.375) |

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| STT | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------------|---|-----------|-------------|----------------------|-------------------------|
| III. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. | Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. | Tiền thu từ đi vay | 33 | | 102.366.765.721 | 113.670.629.724 |
| 4. | Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (99.828.447.671) | (124.274.432.775) |
| 5. | Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (2.683.783.000) | (5.333.221.000) |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (145.464.950) | (15.937.024.051) |
| | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (450.735.868) | (2.812.125.094) |
| | Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 5.059.280.242 | 7.872.017.665 |
| | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | (612.329) |
| | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | | 4.608.544.374 | 5.059.280.242 |

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Trâm

Kế toán trưởng

Vũ Thị Lý

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Hải

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và kinh doanh bất động sản.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là kinh doanh hàng hóa và cho thuê văn phòng.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|-------------------------------------|--|
| Xí nghiệp Thương mại - Dịch vụ số 1 | Lô CC4, KCN Tây Bắc Ga, Đông Thọ, Thanh Hóa |
| Xí nghiệp Thương mại - Dịch vụ số 2 | Số 13 Cao Thắng, P.Lam Sơn, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa |
| Xí nghiệp Thương mại - Dịch vụ số 3 | Số 301 Trần Phú, P.Ba Đình, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa |
| Xí nghiệp Thương mại - Dịch vụ số 6 | Lô CC4, KCN Tây Bắc Ga, Đông Thọ, Thanh Hóa |

Tại ngày 31/12/2020, số nhân viên của Công ty là 64 người (tại ngày 31/12/2019 là 74 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

| | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 20 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 04 – 08 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 – 08 năm |

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|-----------|-------------|
| - Nhà cửa | 30 – 36 năm |
|-----------|-------------|

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có quyết định hoặc thông báo chia cổ tức cho các cổ đông.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều năm được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ cung cấp trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Đơn vị tính: VND***01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| - Tiền | 3.858.544.374 | 5.059.280.242 |
| + Tiền mặt | 1.161.098.451 | 749.616.815 |
| + Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 2.697.445.923 | 4.309.663.427 |
| - Các khoản tương đương tiền (*) | 750.000.000 | - |
| Cộng | <u>4.608.544.374</u> | <u>5.059.280.242</u> |

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng, lãi suất 3,1%/năm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh số 3 Thanh Hóa.

02. Phải thu của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn | <u>5.023.042.471</u> | <u>5.998.056.650</u> |
| - Đoàn an điều dưỡng 296 Sầm Sơn - Cục Chính trị Tổng cục Hậu cần | - | 829.424.000 |
| - Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác | 5.023.042.471 | 5.168.632.650 |
| b. Phải thu của khách hàng dài hạn | - | - |
| Cộng | <u>5.023.042.471</u> | <u>5.998.056.650</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong đó:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02) | 127.792.000 | - |

03. Trả trước cho người bán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|--------------------|
| a. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 712.340.910 | 120.577.061 |
| - Công ty Cổ phần May Sông Hồng | 678.698.420 | 88.036.747 |
| - Công ty TNHH MTV Thương mại Nhựa Vinh Phát | 30.071.681 | 32.144.450 |
| - Trả trước cho người bán ngắn hạn khác | 3.570.809 | 395.864 |
| b. Trả trước cho người bán dài hạn | - | - |
| Cộng | 712.340.910 | 120.577.061 |

04. Phải thu khác

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|----------------------|-------------------|----------------------|-------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| a. Ngắn hạn | 6.068.224.655 | 50.100.829 | 4.469.364.697 | 50.100.829 |
| - Tạm ứng | 9.961.355 | - | 39.109.490 | - |
| - Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 3.000.000.000 | - | 3.000.000.000 | - |
| - Phải thu tiền thưởng doanh số | 2.990.431.977 | - | 1.371.573.799 | - |
| + Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát | 1.156.831.079 | - | 396.571.799 | - |
| + Công ty Cổ phần May Sông Hồng | 50.000.000 | - | 50.000.000 | - |
| + Công ty TNHH Điện máy AQUA Việt Nam | 289.194.259 | - | 228.000.000 | - |
| + Công ty Cổ phần Phích nước Rạng Đông | 1.258.044.000 | - | 637.002.000 | - |
| + Công ty TNHH MTV Thương mại Nhựa Vinh Phát | 25.775.000 | - | 10.000.000 | - |
| + Công ty Cổ phần sứ Hải Dương | 90.587.639 | - | 50.000.000 | - |
| + Công ty TNHH Thương mại Hương Thủy | 120.000.000 | - | - | - |
| - Phải thu khác | 67.831.323 | 50.100.829 | 58.681.408 | 50.100.829 |
| b. Dài hạn | - | - | - | - |
| Cộng | 6.068.224.655 | 50.100.829 | 4.469.364.697 | 50.100.829 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Nợ xấu

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|--|-------------------|----------------------|------------------------|-------------------|----------------------|------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Công ty Cổ phần Huy Phát | Trên 3 năm | 331.690.000 | - | Trên 3 năm | 331.690.000 | - |
| Công ty TNHH MTV TM Xuất nhập khẩu Minh Thảo | Trên 3 năm | 112.625.501 | - | Trên 3 năm | 112.625.501 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 06 tháng – 1 năm | 582.362.846 | 74.366.438 | 06 tháng – 1 năm | 700.940.987 | 89.871.600 |
| | 1 - 2 năm | 14.523.950 | 10.166.765 | 1 - 2 năm | 128.388.000 | 89.871.600 |
| | 2 - 3 năm | 127.311.000 | 63.655.500 | 2 - 3 năm | - | - |
| | Trên 3 năm | 1.813.909 | 544.173 | Trên 3 năm | 572.552.987 | - |
| Cộng | | 1.026.678.347 | 74.366.438 | | 1.145.256.488 | 89.871.600 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| - Hàng hoá | 34.774.441.390 | (562.523.340) | 27.376.629.148 | (834.635.617) |
| Cộng | 34.774.441.390 | (562.523.340) | 27.376.629.148 | (834.635.617) |

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Tổng cộng |
|-----------------------------------|------------------------|----------------------|---------------------------------|-----------------------|
| I. Nguyên giá | | | | |
| <i>Số dư đầu năm</i> | <i>14.587.448.395</i> | <i>4.592.872.233</i> | <i>6.103.833.009</i> | <i>25.284.153.637</i> |
| - Mua trong năm | 15.885.000 | 45.922.000 | 2.381.776.364 | 2.443.583.364 |
| - Đầu tư XDCB hoàn thành | - | - | - | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | (225.000.000) | (1.152.044.091) | (1.377.044.091) |
| - Giảm khác | - | - | - | - |
| <i>Số dư cuối năm</i> | <i>14.603.333.395</i> | <i>4.413.794.233</i> | <i>7.333.565.282</i> | <i>26.350.692.910</i> |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| <i>Số dư đầu năm</i> | <i>3.799.911.251</i> | <i>4.000.039.866</i> | <i>4.001.933.235</i> | <i>11.801.884.352</i> |
| - Khấu hao trong năm | 1.033.743.257 | 417.529.884 | 511.436.885 | 1.962.710.026 |
| - Tăng khác | - | - | - | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | (225.000.000) | (1.152.044.091) | (1.377.044.091) |
| - Giảm khác | - | - | - | - |
| <i>Số dư cuối năm</i> | <i>4.833.654.508</i> | <i>4.192.569.750</i> | <i>3.361.326.029</i> | <i>12.387.550.287</i> |
| III. Giá trị còn lại | | | | |
| <i>1. Tại ngày đầu năm</i> | <i>10.787.537.144</i> | <i>592.832.367</i> | <i>2.101.899.774</i> | <i>13.482.269.285</i> |
| <i>2. Tại ngày cuối năm</i> | <i>9.769.678.887</i> | <i>221.224.483</i> | <i>3.972.239.253</i> | <i>13.963.142.623</i> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 5.656.711.813 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 9.882.821.219 đồng và 6.886.528.162 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

| Khoản mục | Số đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Số cuối năm |
|-----------------------------------|-----------------------|--------------------|--------------------|-----------------------|
| I. Nguyên giá | 20.870.696.426 | - | - | 20.870.696.426 |
| - Quyền sử dụng đất | - | - | - | - |
| - Nhà | 20.870.696.426 | - | - | 20.870.696.426 |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | 8.053.833.451 | 608.709.960 | - | 8.662.543.411 |
| - Quyền sử dụng đất | - | - | - | - |
| - Nhà | 8.053.833.451 | 608.709.960 | - | 8.662.543.411 |
| III. Giá trị còn lại | 12.816.862.975 | - | 608.709.960 | 12.208.153.015 |
| - Quyền sử dụng đất | - | - | - | - |
| - Nhà | 12.816.862.975 | - | 608.709.960 | 12.208.153.015 |

Tại ngày 31/12/2020, bất động sản đầu tư là Trung tâm thương mại số 25 Lê Lợi có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 15.488.315.193 đồng và 9.696.375.133 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

09. Chi phí trả trước

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------|--------------------|--------------------|
| a. Ngắn hạn | 132.661.348 | 152.101.927 |
| - Chi phí bảo hiểm | 59.887.311 | 49.256.001 |
| - Công cụ dụng cụ xuất dùng | 19.736.832 | 79.947.317 |
| - Các khoản khác | 53.037.205 | 22.898.609 |
| b. Dài hạn | 229.215.243 | 196.432.043 |
| - Công cụ dụng cụ xuất dùng | 74.002.043 | 17.523.486 |
| - Chi phí sửa chữa tài sản | 62.117.992 | 144.941.990 |
| - Các khoản khác | 93.095.208 | 33.966.568 |
| Cộng | 361.876.591 | 348.533.970 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| 10. Vay và nợ thuế tài chính | Số đầu năm | | Trong năm | | Số cuối năm | |
|--|----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a. Vay ngắn hạn | 5.535.302.100 | 5.535.302.100 | 102.366.765.721 | 99.828.447.671 | 8.073.620.150 | 8.073.620.150 |
| - Vay ngân hàng | 5.515.700.000 | 5.515.700.000 | 102.250.436.671 | 99.713.447.671 | 8.052.689.000 | 8.052.689.000 |
| + Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam | 5.515.700.000 | 5.515.700.000 | 102.250.436.671 | 99.713.447.671 | 8.052.689.000 | 8.052.689.000 |
| - Chi nhánh Thanh Hóa (*) | 19.602.100 | 19.602.100 | 116.329.050 | 115.000.000 | 20.931.150 | 20.931.150 |
| - Vay đối tượng khác | - | - | 115.000.000 | 115.000.000 | - | - |
| + Ông Trương Công Thành | 19.602.100 | 19.602.100 | 1.329.050 | - | 20.931.150 | * 20.931.150 |
| + Ông Trần Phú Nhâm (**) | - | - | - | - | - | - |
| b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn | - | - | - | - | - | - |
| Cộng | 5.535.302.100 | 5.535.302.100 | 102.366.765.721 | 99.828.447.671 | 8.073.620.150 | 8.073.620.150 |

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn:

(*) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa theo Hợp đồng tín dụng số 3500-LAV2-202001031 ngày 11/9/2020, thời hạn cấp tín dụng đến 11/9/2021, hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh kỳ tài chính 2020-2021. Thời hạn vay là 03 tháng. Lãi suất vay trong năm là 7%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất số: 01-2014 THSD/HĐTC ngày 18/4/2014, hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 3500/HS/091/2020/HĐBĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020 và các phụ lục hợp đồng thế chấp khác.

(**) Khoản vay cá nhân để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay trong năm là 7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀSố 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Phải trả người bán

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a. Phải trả người bán ngắn hạn | 26.642.518.599 | 26.642.518.599 | 21.567.419.350 | 21.567.419.350 |
| - Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát | 1.728.712.198 | 1.728.712.198 | 1.609.693.936 | 1.609.693.936 |
| - Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông | 15.887.731.259 | 15.887.731.259 | 11.203.438.231 | 11.203.438.231 |
| - Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát | 2.289.633.696 | 2.289.633.696 | 1.518.432.103 | 1.518.432.103 |
| - Công ty TNHH Thương mại Hương Thủy | 1.502.183.012 | 1.502.183.012 | 3.720.576.742 | 3.720.576.742 |
| - Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác | 5.234.258.434 | 5.234.258.434 | 3.515.278.338 | 3.515.278.338 |
| b. Phải trả người bán dài hạn | - | - | - | - |
| Cộng | 26.642.518.599 | 26.642.518.599 | 21.567.419.350 | 21.567.419.350 |

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số phải thu cuối năm | Số phải nộp cuối năm |
|--|--------------------------------|---------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------|----------------------|
| | - Thuế giá trị gia tăng đầu ra | - | - | 970.553.392 | 970.553.392 | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 218.434.674 | 796.951.241 | 807.071.749 | - | 208.314.166 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | - | 60.711.953 | 215.955.009 | 238.910.277 | - | 37.756.685 |
| - Thuế nhà đất và tiền thuê đất | - | - | 1.694.484.004 | 1.694.484.004 | - | - |
| - Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | - | 8.855.243 | 8.855.243 | - | - |
| Cộng | - | 279.146.627 | 3.686.798.889 | 3.719.874.665 | - | 246.070.851 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Các khoản phải trả, phải nộp khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|--------------------|--------------------|
| a. Ngắn hạn | 491.877.442 | 476.227.607 |
| - Kinh phí công đoàn | 1.485.384 | 1.873.553 |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 15.448.133 | 15.448.133 |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 231.243.925 | 215.026.925 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 243.700.000 | 243.878.996 |
| + Chi phí tri ân, hỗ trợ khách hàng | 243.700.000 | 243.700.000 |
| + Các đối tượng khác | - | 178.996 |
| b. Dài hạn | - | - |
| Cộng | 491.877.442 | 476.227.607 |

14. Doanh thu chưa thực hiện

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------|--------------------|-------------------|
| a. Ngắn hạn | 763.636.364 | 13.636.364 |
| - Doanh thu cho thuê tài sản | 763.636.364 | 13.636.364 |
| b. Dài hạn | - | - |
| Cộng | 763.636.364 | 13.636.364 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm trước | 30.000.000.000 | (2.162.020.000) | 6.088.394.010 | 7.017.541.516 | 40.943.915.526 |
| Tăng vốn trong năm trước | - | - | - | - | - |
| Lãi/(lỗ) trong năm trước | - | - | - | 3.125.541.988 | 3.125.541.988 |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | 1.200.000.000 | (7.017.541.516) | (5.817.541.516) |
| Giảm khác | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm trước | 30.000.000.000 | (2.162.020.000) | 7.288.394.010 | 3.125.541.988 | 38.251.915.998 |
| Số dư đầu năm nay | | | | | |
| Tăng vốn trong năm | - | - | - | - | - |
| Lãi/(lỗ) trong năm | - | - | - | 3.185.949.719 | 3.185.949.719 |
| Tăng khác | - | - | - | - | - |
| Giảm vốn trong năm | - | - | - | - | - |
| Phân phối lợi nhuận (*) | - | - | 312.554.000 | (3.125.541.988) | (2.812.987.988) |
| Giảm khác | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm | 30.000.000.000 | (2.162.020.000) | 7.600.948.010 | 3.185.949.719 | 38.624.877.729 |

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 12/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 3 năm 2020, Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

| | Số tiền VND |
|--|----------------------|
| Trích quỹ đầu tư phát triển | 312.554.000 |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | 50.477.988 |
| Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành | 62.510.000 |
| Trích cổ tức chi trả | 2.700.000.000 |
| Tổng phân phối lợi nhuận | 3.125.541.988 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
 Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|------------------------|-----------------------|------------|-----------------------|------------|
| | Giá trị | Tỷ lệ | Giá trị | Tỷ lệ |
| + Ông Trương Văn Thành | 2.863.000.000 | 9,54 | 2.863.000.000 | 9,54 |
| + Ông Nguyễn Thanh Hải | 2.250.000.000 | 7,50 | 2.250.000.000 | 7,50 |
| + Ông Lê Văn Tường | 2.100.000.000 | 7,00 | 2.100.000.000 | 7,00 |
| + Bà Chu Thị Hòa | 2.000.000.000 | 6,67 | 2.000.000.000 | 6,67 |
| + Các đối tượng khác | 20.787.000.000 | 69,29 | 20.787.000.000 | 69,29 |
| Cộng | 30.000.000.000 | 100 | 30.000.000.000 | 100 |

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------|----------------|----------------|
| - Vốn góp của chủ sở hữu | | |
| + Vốn góp đầu năm | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| + Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| + Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| + Vốn góp cuối năm | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 2.700.000.000 | 5.400.000.000 |

d. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 3.000.000 | 3.000.000 |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 3.000.000 | 3.000.000 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 3.000.000 | 3.000.000 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại | 300.000 | 300.000 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 300.000 | 300.000 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 2.700.000 | 2.700.000 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 2.700.000 | 2.700.000 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------|----------------------|----------------------|
| - Quỹ đầu tư phát triển | 7.600.948.010 | 7.288.394.010 |
| Cộng | 7.600.948.010 | 7.288.394.010 |

16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

a. Ngoại tệ các loại

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------|-------------|------------|
| - USD | - | 392,32 |

b. Nợ khó đòi đã xử lý

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------|-------------|-------------|
| - Nợ khó đòi đã xử lý | 987.775.330 | 987.775.330 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| - Doanh thu bán hàng hóa | 254.245.339.247 | 277.344.961.903 |
| - Doanh thu kinh doanh bất động sản | 8.830.214.361 | 9.161.487.262 |
| Cộng | <u>263.075.553.608</u> | <u>286.506.449.165</u> |

Trong đó:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết xem thuyết minh VIII.02) | 346.832.727 | - |

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------|--------------------------|---------------------------|
| - Giảm giá hàng bán | - | - |
| - Hàng bán bị trả lại | 41.614.632 | 134.186.271 |
| Cộng | <u>41.614.632</u> | <u>134.186.271</u> |

03. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| - Giá vốn của hàng hóa đã bán | 241.861.129.149 | 263.983.419.492 |
| - Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư | 2.172.224.310 | 2.093.763.206 |
| - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (272.112.277) | 587.110.423 |
| Cộng | <u>243.761.241.182</u> | <u>266.664.293.121</u> |

04. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------------|---------------------------|
| - Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 260.587.531 | 286.863.454 |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá | - | 121.500 |
| - Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán | 338.034.329 | 122.168.000 |
| Cộng | <u>598.621.860</u> | <u>409.152.954</u> |

05. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------|---------------------------|---------------------------|
| - Lãi tiền vay | 525.702.494 | 714.404.101 |
| - Lỗ chênh lệch tỷ giá | - | 612.329 |
| Cộng | <u>525.702.494</u> | <u>715.016.430</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| - Lãi thanh lý TSCĐ | 378.181.819 | 45.454.545 |
| - Tiền điện nước | 1.256.988.722 | 1.350.926.990 |
| - Tiền khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng | 168.658.050 | 60.108.800 |
| - Xử lý công nợ | 11.797.226 | 1.257.706.322 |
| - Các khoản khác | 149.753.852 | 134.194.523 |
| Cộng | <u>1.965.379.669</u> | <u>2.848.391.180</u> |

07. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| - Tiền điện, nước cho thuê mặt bằng | 1.241.540.296 | 1.337.757.547 |
| - Các khoản bị phạt | 1.855.243 | - |
| - Chi phí khác | 11.591.239 | 113.807.977 |
| Cộng | <u>1.254.986.778</u> | <u>1.451.565.524</u> |

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i> | <i>4.351.337.009</i> | <i>4.852.300.655</i> |
| - Chi phí nhân viên quản lý | 2.660.642.870 | 2.587.786.685 |
| - Chi phí vật liệu quản lý | - | 29.873.415 |
| - Chi phí đồ dùng văn phòng | 78.131.237 | 57.361.260 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 210.628.366 | - |
| - Thuế, phí và lệ phí | 137.969.653 | 199.108.412 |
| - Chi phí dự phòng | (103.072.979) | 41.163.060 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 188.612.520 | 338.054.514 |
| - Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 1.178.425.342 | 1.598.953.309 |
| <i>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i> | <i>11.721.772.082</i> | <i>12.020.656.084</i> |
| - Chi phí nhân viên | 6.164.775.825 | 6.371.441.739 |
| - Chi phí vật liệu, bao bì | 613.958.467 | 754.356.607 |
| - Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 149.210.154 | 206.246.548 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 1.752.081.660 | 1.449.924.366 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.161.249.114 | 1.314.309.241 |
| - Các khoản chi phí bán hàng khác | 1.880.496.862 | 1.924.377.583 |
| Cộng | <u>16.073.109.091</u> | <u>16.872.956.739</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------------|---------------------------|
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*) | 796.951.241 | 706.859.626 |
| - Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay | - | 93.573.600 |
| Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành | <u>796.951.241</u> | <u>800.433.226</u> |

(*) Chi tiết xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN | 3.982.900.960 | 3.925.975.214 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 1.855.243 | 28.418.916 |
| <i>Phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế</i> | <i>1.855.243</i> | <i>27.616.387</i> |
| <i>Lỗi chênh lệch tỷ giá cuối năm của tiền gửi ngân hàng</i> | <i>-</i> | <i>612.329</i> |
| <i>Lãi chậm nộp bảo hiểm</i> | <i>-</i> | <i>190.200</i> |
| Các khoản điều chỉnh giảm | - | 420.096.000 |
| <i>Tiền hỗ trợ bán hàng nhận được đã tính thuế năm trước</i> | <i>-</i> | <i>420.096.000</i> |
| Thu nhập chịu thuế TNDN | 3.984.756.203 | 3.534.298.130 |
| Thuế suất thuế TNDN | 20% | 20% |
| Chi phí thuế thu nhập hiện hành | <u>796.951.241</u> | <u>706.859.626</u> |

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------|---------------------|
| - Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông | 3.185.949.719 | 3.125.541.988 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông | - | - |
| - Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 3.185.949.719 | 3.125.541.988 |
| - Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | 135.000.000 | 112.987.988 |
| - Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 2.700.000 | 2.700.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | <u>1.130</u> | <u>1.116</u> |

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập từ lợi nhuận năm 2020 tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------|---------------------|
| - Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông | 3.185.949.719 | 3.125.541.988 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông | - | - |
| - Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 3.185.949.719 | 3.125.541.988 |
| - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| - Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | 135.000.000 | 112.987.988 |
| - Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 2.700.000 | 2.700.000 |
| - Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm | - | - |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | <u>1.130</u> | <u>1.116</u> |

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập từ lợi nhuận năm 2020 tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu | - | 784.230.022 |
| - Chi phí nhân công | 8.825.418.695 | 8.959.228.424 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.571.419.986 | 2.058.694.206 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.349.861.634 | 1.652.363.755 |
| - Chi phí khác bằng tiền | 5.601.706.065 | 5.471.040.478 |
| - Chi phí dự phòng | (103.072.979) | 41.163.060 |
| Cộng | <u>18.245.333.401</u> | <u>18.966.719.945</u> |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|-------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Tiền lương | 1.141.751.716 | 1.339.868.894 |
| Phụ cấp | 552.000.000 | 420.000.000 |
| Cộng | <u>1.693.751.716</u> | <u>1.759.868.894</u> |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|--------------------------------|--|
| Công ty Cổ phần Bảo Lâm Sơn La | Ông Lê Mạnh Chiến - Thành viên HĐQT là Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo Lâm Sơn La |

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------|--------------------|------------------|
| Bán hàng hóa | 346.832.727 | - |
| Công ty Cổ phần Bảo Lâm Sơn La | 346.832.727 | - |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|---------------------------|-------------------|
| Phải thu khách hàng ngắn hạn | 127.792.000 | - |
| Công ty Cổ phần Bảo Lâm Sơn La | 127.792.000 | - |
| Cộng nợ phải thu | <u>127.792.000</u> | <u>-</u> |

03. Báo cáo bộ phận**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại;
- Lĩnh vực kinh doanh Bất động sản.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Đơn vị tính: VND | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | Thương mại | Cộng |
| Năm nay | | |
| - Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài | 254.220.840.979 | 8.813.097.997 |
| - Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác | - | - |
| - Chi phí phân bổ | 241.660.229.107 | 18.101.201.800 |
| - Lợi nhuận từ hoạt động KD | 12.560.611.872 | (9.288.103.803) |
| - Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn | 2.623.001.885 | - |
| - Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 2.103.682.613 | 608.709.960 |
| Số dư cuối năm | | |
| - Tài sản trực tiếp của bộ phận | 60.080.543.593 | 12.208.153.015 |
| - Tài sản không phân bổ | | 72.288.696.608 |
| Tổng tài sản | 60.080.543.593 | 76.897.240.982 |
| - Nợ phải trả bộ phận | 36.726.486.728 | 37.514.086.861 |
| - Nợ phải trả không phân bổ | | 758.276.392 |
| Tổng nợ phải trả | 36.726.486.728 | 38.272.363.253 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| Năm trước | Thương mại | Kinh doanh BĐS | Đơn vị tính: VND | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|--|
| | | | Cộng | |
| - Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài | 277.210.775.632 | 9.161.487.262 | 286.372.262.894 | |
| - Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác | - | - | - | |
| - Chi phí phân bổ | 281.209.558.403 | 2.633.554.933 | 283.843.113.336 | |
| - Lợi nhuận từ hoạt động KD | (3.998.782.771) | 6.527.932.329 | 2.529.149.558 | |
| - Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn | 516.761.359 | - | 516.761.359 | |
| - Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 1.898.234.347 | 608.769.840 | 2.507.004.187 | |
| Số dư cuối năm trước | | | | |
| - Tài sản trực tiếp của bộ phận | 49.984.914.388 | 12.816.862.975 | 62.801.777.363 | |
| - Tài sản không phân bổ | | | 5.059.280.242 | |
| Tổng tài sản | 49.984.914.388 | 12.816.862.975 | 67.861.057.605 | |
| - Nợ phải trả bộ phận | 28.828.772.245 | 31.305.958 | 28.860.078.203 | |
| - Nợ phải trả không phân bổ | | | 749.063.404 | |
| Tổng nợ phải trả | 28.828.772.245 | 31.305.958 | 29.609.141.607 | |

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | Giá trị sổ sách | | Giá trị hợp lý | |
|--------------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Dự phòng | Số đầu năm | Dự phòng |
| | Giá trị ghi số | Giá trị ghi số | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 4.608.544.374 | - | 5.059.280.242 | - |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 8.081.305.771 | (952.311.909) | 7.428.311.857 | (1.055.384.888) |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | - | - | - | - |
| Đầu tư tài chính dài hạn | - | - | - | - |
| Cộng | 12.689.850.145 | (952.311.909) | 12.487.592.099 | (1.055.384.888) |

| | Giá trị sổ sách | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------|------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả cho người bán | 26.642.518.599 | 21.567.419.350 | (*) | (*) |
| Vay và nợ | 8.073.620.150 | 5.535.302.100 | (*) | (*) |
| Chi phí phải trả | - | - | - | - |
| Các khoản phải trả khác | 474.943.925 | 458.905.921 | (*) | (*) |
| Cộng | 35.191.082.674 | 27.561.627.371 | | |

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi số.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | | | |
|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------|-------------------|-----------------------|
| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
| Số cuối năm | | | | |
| Phải trả cho người bán | 26.642.518.599 | - | - | 26.642.518.599 |
| Vay và nợ | 8.073.620.150 | - | - | 8.073.620.150 |
| Chi phí phải trả | - | - | - | - |
| Các khoản phải trả khác | 474.943.925 | - | - | 474.943.925 |
| Cộng | 35.191.082.674 | - | - | 35.191.082.674 |
| Số đầu năm | | | | |
| Phải trả cho người bán | 21.567.419.350 | - | - | 21.567.419.350 |
| Vay và nợ | 5.535.302.100 | - | - | 5.535.302.100 |
| Chi phí phải trả | - | - | - | - |
| Các khoản phải trả khác | 458.905.921 | - | - | 458.905.921 |
| Cộng | 27.561.627.371 | - | - | 27.561.627.371 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – chi nhánh phía Bắc. Trong đó, một số chỉ tiêu được trình bày lại cho phù hợp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

| STT | Nội dung | Số liệu đã trình bày trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | Số liệu trình bày lại trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 |
|-----|----------------------------|---|--|
| 1 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.104 | 1.116 |
| 2 | Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 1.104 | 1.116 |

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Trâm

Kế toán trưởng

Vũ Thị Lý

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Hải

Nơi nhận:

- Như K/g;
- HĐQT, BKS;
- Lưu TK HĐQT.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Hải

